

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

DU LỊCH BIỂN THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
(NGHIÊN CỨU HÀNH VI CỦA CÁC BÊN LIÊN
QUAN)

Chuyên ngành: Du lịch
Mã số: 981010.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

HÀ NỘI - 2023

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2020), “Sam Son marine tourism adaptation to climate change”, *the 2nd TOURIST conference in Bangkok and hosted by the Faculty of Business Administration, Kasetsart University, Bangkok*. ISBN (e-Book) 978-616-278-573-3. pp.213-225.
2. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Một số giải pháp phát triển du lịch biển Thanh Hóa ứng phó với biến đổi khí hậu”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững*, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 434-446.
3. Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Trần Đức Thanh (2021), “Đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của phụ nữ tại khu du lịch biển Hải Tiến”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững*, Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tr. 542-551.
4. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Climate Change affecting the marine tourism industry in Thanh Hoa province”, *TED-2021 Proceedings of the International Conference on Culture, Education, and Tourism with Economic Development*. ISBN: 978-604-80-5756-5. pp. 908-918.
5. Nguyen Xuan Hai, Tran Duc Thanh (2021), “Women’s vulnerability to climate change in tourism industry in coastal areas of Thanh Hoa province”, *Vietnam Women’s Academy in collaboration with The United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women, UNWOMEN) and NAFOSTED is organizing an International Conference on Women Entrepreneurship and Innovation in the Post-Covid 19 Era*. ISBN: 978-604-343-264-0. pp. 135-148.

MỞ ĐẦU

GỚI THIỆU CHUNG VỀ LUẬN ÁN

1. Lý do lựa chọn đề tài

Việt Nam có 125 huyện thuộc 28 tỉnh, thành giáp biển. Trên dọc 3.260 km đường bờ biển có 124 bãi biển đẹp, hàng chục vịnh nổi tiếng trong và ngoài nước. Hoạt động chủ yếu của khách du lịch khi về các vùng biển là tắm biển hoặc nghỉ dưỡng biển. Chính vì vậy đi dọc từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nơi đâu khách du lịch cũng có thể tham gia vào các loại hình du lịch biển.

Diện tích tự nhiên của vùng lãnh thổ nơi diễn ra hoạt động du lịch biển là 126.747 km². Trong khu vực này có 7/8 di sản thế giới; 6/8 khu dự trữ sinh quyển; có 8 vườn quốc gia nằm và nhiều di tích văn hóa - lịch sử có giá trị để phát triển kinh tế biển, trong đó có du lịch (Trần Đức Thanh, Trần Thị Mai Hoa, 2017). Trong “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”, Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh “Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo và du lịch thể thao, giải trí biển phù hợp định hướng Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam”. Đồng thời, Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045” xác định “du lịch biển đảo là một trong 4 sản phẩm chủ đạo, có lợi thế của du lịch Việt Nam, Phát triển du lịch biển, đảo là một trong những nội dung góp phần hình thành các khu kinh tế biển trọng điểm”.

Du lịch biển là thành phần lớn nhất của ngành du lịch Việt Nam nói riêng, các nước có biển khác trên thế giới nói chung. Tuy nhiên, cho đến nay, du lịch biển đang phải đối mặt với một trong những vấn đề có tính chất toàn cầu là vấn đề biến đổi khí hậu. Có thể khẳng định rằng, du lịch biển là loại hình du lịch nhạy cảm nhất với sự biến đổi khí hậu.

Trong những năm qua các tổ chức quốc tế, các cơ quan chính quyền của các quốc gia đã dành nhiều quan tâm đến ứng phó với BĐKH. Các báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC) liên quan tới việc thực thi Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu từ COP1 đến COP27 là những ví dụ điển hình về sự quan tâm của các tổ chức quốc tế về biến đổi khí hậu. Đảng và Nhà nước ta cũng đặc biệt quan tâm về vấn đề này. Điều đó thể hiện qua việc ban hành nhiều văn bản như Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Quyết định 896/QĐ-TTg 2022, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 v.v...

Việc nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống kinh tế xã hội nói chung, đến hoạt động du lịch nói riêng cũng được rất nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Chỉ tính riêng các công trình trên WOS từ năm 2011 đến năm 2021 trung bình mỗi năm có đã có 22,8 công trình nghiên cứu liên quan đến du lịch và biến đổi khí hậu. Theo thống kê chưa đầy đủ của tác giả, cho đến nay có hàng trăm công trình nghiên cứu về mối liên hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu được công bố bằng tiếng Việt. Hầu hết các công trình này chỉ ra tác động của du lịch đến tài nguyên du lịch, đến cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đến hoạt động du lịch và ứng phó và thích ứng của các bên liên quan với biến đổi khí hậu.

Theo “Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam” của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh Hóa là một trong những khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của biến đổi khí hậu: “*khi nước biển dâng 50 cm do BĐKH, Thanh Hóa có thể bị ngập mất 0,51% diện tích đất và nếu kịch bản nước biển dâng 100cm thì Thanh Hóa có thể bị ngập 1,43% diện tích đất*”. Rõ ràng những phần bị ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu ở Thanh Hóa là vùng biển, do vậy nó sẽ tác động trực tiếp đến các hoạt động du lịch ở đây. Chính vì vậy, việc nghiên cứu “*Du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu (nghiên cứu hành vi của các bên liên quan)*” ở các vùng biển của Thanh Hóa như thế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu là một vấn đề cần phải nhanh chóng làm rõ để đề xuất được các chính sách phù hợp cho phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch biển Thanh Hóa và hành vi của các bên liên quan trước tác động của BĐKH. Từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa bền vững trong bối cảnh BĐKH

Nhiệm vụ nghiên cứu

- (1) Nhận diện được thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động du lịch biển và dự đoán được các tác động đó trong tương lai theo kịch bản biến đổi khí hậu
- (2) Xác định được hành vi của các bên liên quan đến BĐKH trong phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa;
- (3) Làm rõ hành vi của các bên liên quan đến thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH trong hoạt động du lịch biển và đề xuất được những hàm ý thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH để phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững

3. **Câu hỏi nghiên cứu**

- 1) Thực trạng tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa là như thế nào?
- 2) Những tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa trong tương lai sẽ ra sao ?
- 3) Hành vi của các bên liên quan ảnh hưởng như thế nào đến phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa ?
- 4) Các bên liên quan sẽ phải làm gì để thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH trong tương lai nhằm phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững ?

4. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những hiểu biết, nhận thức về tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa trong hiện tại, tương lai và hành vi của các bên liên quan trước tác động của BĐKH nhằm phát triển du lịch biển Thanh Hóa theo hướng bền vững.

Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung

Trong khuôn khổ luận án này, nội dung tập trung vào nghiên cứu về tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển ở Thanh Hóa và hành vi của các bên liên quan trong việc giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH nhằm phát triển du lịch biển ở đây một cách bền vững.

- Phạm vi thời gian

Các thông tin diễn biến các yếu tố khí hậu, các biểu hiện, xu hướng BĐKH và tác động của BĐKH tới du lịch biển ở Thanh Hóa được cập nhật trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2018.

+ Các dữ liệu thứ cấp về tác động của BĐKH tới ngành du lịch từ năm 2010 đến 2022.

+ Các dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát trong năm 2022.

- Phạm vi không gian

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu tập trung các địa điểm có hoạt động du lịch biển ở tỉnh Thanh Hóa như Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Hải Thanh, Tiên Trang, Bãi Đông Nghi Sơn...

5. **Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

Đóng góp về mặt lí luận

- Luận án đã hệ thống hoá và làm rõ được những lý luận cơ bản về du lịch biển, biến đổi khí hậu, xây dựng được mô hình nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch bền vững trong đó có sự tham gia của các bên liên quan, tạo cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu đề tài.

- Điều chỉnh, mở rộng từ các mô hình nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là mô hình thuyết hành động hợp lý (TRA), thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL) và thuyết các bên liên quan để khám phá hiểu biết và hành vi ứng phó với BĐKH của các bên liên quan phù hợp với hoàn cảnh phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa nói riêng, ở Việt Nam nói chung

- Kiểm định thành phần đo lường của Wei, J., Hansen, A., Zhang, Y., Li, H., Liu, Q., Sun, Y., & Bi, P. (2014) từ góc độ du lịch biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Các biến đo lường này được áp dụng để xác định hiểu biết và hành vi của các bên liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa.

- Đề xuất định hướng phát triển du lịch biển một cách bền vững ở Thanh Hóa nói riêng, ở Việt Nam nói chung trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã và đang diễn biến phức tạp

Đóng góp về mặt thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách về phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa nói riêng và các điểm khác ở Việt Nam có điều kiện tương đồng đề ra các chính sách, các giải pháp phát triển du lịch biển cách bền vững.

- Luận án hoàn thành đóng góp cho việc nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Luận án là tài liệu tham khảo tốt cho các cơ quan quản lý du lịch, cho các quản trị doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, đồng thời cũng giúp các cơ quan quản lý du lịch có những chính sách, biện pháp để quản lý và nâng cao nhận thức của khách du lịch trong vấn đề phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch.

- Luận án đã tổng quan khá rõ các công trình trong và ngoài nước đã nghiên cứu về biến đổi khí hậu và các tác động giữa biến đổi khí hậu và phát triển du lịch, bao gồm cả các nghiên cứu về biến đổi khí hậu tại Việt Nam và du lịch Thanh Hoá. Phương pháp tổng quan khoa học và hệ thống, chỉ rõ những khoảng trống bỏ ngỏ cần nghiên cứu, qua đó cho thấy đề tài luận án vẫn cần thiết được nghiên cứu.

- Luận án đã phân tích, đánh giá được thực trạng tác động biến đổi khí hậu đến du lịch biển Thanh Hoá. Trên cơ sở sử dụng các phương pháp phỏng vấn sâu và điều tra xã hội học phù hợp, luận án tập trung xử lý và phân tích 852 phiếu khảo sát thu được để đánh giá về những hiểu biết về biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch biển Thanh Hoá và hành vi ứng phó với biến đổi khí hậu của các bên liên quan.

- Luận án đã đưa ra một số hàm ý và đề xuất hướng nghiên cứu cho các bên liên quan. Những khuyến nghị là phù hợp với thực tiễn trong điều kiện hiện nay và có tính khả thi.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH BIỂN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Tổng quan nghiên cứu về du lịch biển và biến đổi khí hậu

Trong số 9.248 nguồn dữ liệu có chứa các từ khóa liên quan, có 4.435 dữ liệu nguồn chứa từ khóa Tourism & Climate change, 799 dữ liệu nguồn chứa từ khóa Tourism & Climate change review. Tiếp theo đó là từ khóa Coastal tourism & Climate change có 780 dữ liệu nguồn, Marine tourism & Climate change 416, Beach tourism & Climate change **256**, Sustainable marine tourism **784** Sustainable tourism & climate change **có 1156** Tourism and climate change adaptation strategies/ 371, Tourism operators & Climate change **150**, Mitigation climate change in tourism **401**. Nghiên cứu tiếp tục dựa trên nội hàm của vấn đề nghiên cứu, đã xác định được 10 từ khóa để tìm kiếm các công trình nghiên cứu có liên quan. Kết quả thu về được 502 công trình nghiên cứu.

Nghiên cứu tiếp tục dựa trên nội hàm của vấn đề nghiên cứu, đã xác định được 10 từ khóa để tìm kiếm các công trình nghiên cứu có liên quan. Sau khi loại bỏ trùng lặp và các nội dung không liên quan trực tiếp tới vấn đề nghiên cứu, có 330 công trình nghiên cứu được xác định để thực hiện tổng quan tài liệu. Kết quả phân tích từ khóa các nghiên cứu có cùng chủ đề được nhóm lại như sau:

- (1) Nhóm nghiên cứu thứ nhất: Sự tác động của biến đổi khí hậu đối với du lịch biển
- (2) Nhóm nghiên cứu thứ hai: Sự tác động của du lịch và du lịch biển đối với môi trường
- (3) Nhóm nghiên cứu thứ ba: Sự thích ứng của du lịch biển đối với biến đổi khí hậu

1.2. Các thuyết cơ bản liên quan đến nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu

Kết quả tìm kiếm trên ISI Web of Science, Scopus, Cục thông tin khoa học, và công nghệ quốc gia (NASTATI) đã xác định tổng cộng 152 bài báo áp dụng 50 thuyết liên quan đến một số ngành khác nhau. Trong số đó có 12 thuyết đã được các bài báo nhắc đến ít nhất năm lần.là:

- (1) Thuyết về thể chế (Institutional Theory)
- (2) Thuyết hành vi có kế hoạch (Planned behaviour theory-TPB)
- (3) Thuyết về các bên liên quan (Stakeholder Theory)
- (4) Thuyết tổ chức học hỏi (Organizational learning theory)
- (5) Thuyết nguồn lực (Resource-Based View- RBV)
- (6) Thuyết năng lực động (Dynamic Capability Theory)
- (7) Thuyết về chi phí giao dịch (Transaction Costs Theory)
- (8) Thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action-TRA)
- (9) Thuyết kích hoạt tiêu chuẩn (Norm Activation Model – NAM)
- (10) Thuyết động lực bảo vệ (Protection motivation theory - PMT)

(11) Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TBL: triple-bottom line theory)

Trong số 11 thuyết này, 3 thuyết liên quan chặt chẽ nhất đến đề tài là Thuyết các bên liên quan (stakeholder theory) Thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action-TRA) và thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TBL: triple-bottom line theory).

1.3. Các mô hình nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu

- Mô hình mối quan hệ giữa các khái niệm biến đổi khí hậu, du lịch, nghèo đói và phát triển bền vững
- Mô hình hệ thống kiến thức về du lịch và biến đổi khí hậu
- Mô hình tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến ngành du lịch
- Mô hình khung thích ứng

1.4. Những nghiên cứu về BĐKH tại Việt Nam và du lịch Thanh Hóa trong thời gian gần đây

Kết quả tìm kiếm trên NASTATI (Cục thông tin khoa học, và công nghệ quốc gia: vista.gov.vn), Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội (<https://lic.vnu.edu.vn/>), và Thư viện Quốc gia Việt Nam (<https://nlv.gov.vn/>) cho thấy các nhà khoa học rất quan tâm nghiên cứu về BĐKH diễn ra ở Việt Nam

Đến nay, Việt Nam đã có nhiều công trình được công bố như các công trình của Nguyễn Đức Ngữ và Nguyễn Trọng Hiệu (1991), Nguyễn Đức Ngữ (2008). Liên quan đến vấn đề thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước và phòng chống thiên tai lũ lụt trong các công bố của Trần Thục (2001) Trần Hồng Thái (2009), Nguyễn Thanh Sơn (2011)... Từ năm 1994 đến 1998, Nguyễn Đức Ngữ và cs. đã hoàn thành kiểm kê quốc gia KNK đến năm 1993, xây dựng các phương án giảm KNK ở Việt Nam, đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực KT-XH, xây dựng kịch bản BĐKH ở Việt Nam cho các năm 2020, 2050, 2070.

Về mặt hành vi của các bên liên quan trong ứng phó với tác động của BĐKH đến du lịch biển ở Thanh Hóa, chưa có nghiên cứu nào tiến hành đánh giá, phân tích hành vi của các nhà cung cấp dịch vụ du lịch, cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương và khách du lịch. Kết quả tổng quan cho thấy, hiện nay các bên liên quan ham gia vào các hoạt động du lịch tại Thanh Hóa chưa có chính sách ứng phó cụ thể đối với tác động của BĐKH, trong khi đó các bên liên quan cũng chưa đủ nhận thức và quan tâm đến vấn đề này. Đối với khách du lịch, một số nghiên cứu cho thấy họ có nhận thức về tác động của BĐKH đến du lịch biển, tuy nhiên, vẫn còn đó sự chưa chắc chắn và thiếu thông tin về các giải pháp ứng phó.

1.5. Khoảng trống nghiên cứu

Từ kết quả tổng quan tài liệu có thể khẳng định rằng, các nghiên cứu về du lịch và biến đổi khí hậu là lĩnh vực nghiên cứu nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu, hiệp hội, các tổ chức trên thế giới và các chính phủ của từng quốc gia, đặc biệt là những vùng, những quốc gia được dự báo sẽ bị tác động nặng nề bởi BĐKH trong đó có Việt Nam (Scott et al., 2016). Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu về du lịch biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào tác động của biến đổi khí hậu đối với du lịch nói chung. Đồng thời cũng chỉ ra một số tác động của du lịch tới môi trường, một số các biện pháp thích ứng, giảm thiểu ở quy mô toàn cầu, quy mô khu vực hoặc quy mô quốc gia. Các nghiên cứu này chủ yếu xuất hiện ở các nước như bờ biển Victoria – Hoa Kỳ, biển Đỏ - Ai Cập, biển Mu Ko Surin – Thái Lan,....

Hiện nay, tác động của biến đổi khí hậu đang gây ra nhiều vấn đề đối với ngành du lịch biển. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khoảng trống về nghiên cứu hành vi của các bên liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu trong du lịch biển. Một số khoảng trống cần được nghiên cứu là:

- (1) Nhận thức, hiểu biết và hành vi của các bên liên quan về tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch biển sẽ giúp định hướng các hoạt động giáo dục và tuyên truyền để tăng cường ý thức và hành động của các bên liên quan trong việc ứng phó với BĐKH.
- (2) Biện pháp ứng phó của các bên liên quan: Nghiên cứu về các biện pháp ứng phó của các bên liên quan như chính quyền địa phương, các nhà cung cấp dịch vụ, du khách, cộng đồng địa phương.
- (3) Tác động của du lịch biển đến môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường: Nghiên cứu về tác động của du lịch biển đến môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ giúp định hướng các hoạt động du lịch bền vững, từ đó đảm bảo sự phát triển của ngành du lịch biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu.
- (4) Tầm quan trọng của giáo dục và tư vấn cho du khách: Nhiều du khách không hiểu rõ về tác động của họ lên môi trường và cộng đồng địa phương. Nghiên cứu về vai trò của giáo dục và tư vấn để cải thiện hành vi du khách trong môi trường biển là cần thiết.

- (5) Vai trò của các bên liên quan địa phương: Các cộng đồng địa phương thường phải đối mặt với tác động của du lịch biển. Nghiên cứu về vai trò của các bên liên quan địa phương trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành du lịch biển cũng cần được nghiên cứu.
- (6) Các chiến lược quản lý tài nguyên biển: Việc quản lý tài nguyên biển là một yếu tố quan trọng để bảo vệ môi trường biển và đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch biển. Tuy nhiên, các chiến lược quản lý tài nguyên biển và hiệu quả của chúng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.
- (7) Tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế du lịch: Biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến kinh tế du lịch bằng cách giảm thiểu số lượng du khách hoặc tạo ra các rủi ro khác nhau.

Các nghiên cứu tập trung vào vai trò của các bên liên quan nhận ra rằng các bên liên quan khác nhau có thể tham gia vào nhiều vai trò và hoạt động khác nhau trong việc phát triển du lịch bền vững, nhưng các bên liên quan được đề cập một cách đơn lẻ và chưa có nghiên cứu nào về hành vi của các bên liên quan (các bên liên quan như: chính quyền địa phương, khách du lịch, người dân địa phương, doanh nghiệp du lịch) trong phát triển du lịch biển ứng phó với BĐKH, trên cơ sở đó xác định được những định hướng hàm ý quản trị ứng phó phù hợp với địa phương.

Nhiều nhà nghiên cứu trong nước cũng đã tìm hiểu về du lịch Thanh Hóa, nhưng các nghiên cứu của họ chủ yếu tập trung vào đánh giá và đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá dựa trên các yếu tố phát triển bền vững (kinh tế, xã hội và môi trường) mà chưa chứng minh được làm thế nào để đạt được sự bền vững đó trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Một số nghiên cứu gần đây chỉ nêu bật một vài hoạt động liên quan đến du lịch mà chưa định hình rõ thực trạng hành vi của các bên liên quan ở các vùng biển của Thanh Hóa như thế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đề tài luận án “*Du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu*” (Nghiên cứu về hành vi của các bên liên quan) có thể khẳng định là một công trình nghiên cứu mới, có tính cấp thiết, đáng được nghiên cứu. Với mục đích lấp đầy khoảng trống nghiên cứu, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch biển bền vững, biểu hiện của BĐKH, tác động của BĐKH đến du lịch biển và làm rõ, phân tích được thực trạng hành vi của các bên liên quan ở các vùng biển của Thanh Hóa như thế nào để ứng phó với biến đổi khí hậu để đề xuất được các chính sách phù hợp cho phát triển du lịch biển ở Thanh Hóa một cách bền vững.

1.6. Cơ sở lý luận

1.6.1. Khái niệm du lịch biển

Trong luận án này, du lịch biển sẽ được hiểu là “Du lịch biển là loại hình khách du lịch về với các miền biển, các bãi biển để tham gia vào các hoạt động liên quan đến biển như tắm biển, thể thao biển, tham quan, trải nghiệm văn hóa cư dân vùng biển” (Trần Đức Thanh và cs, 2022:339)

1.6.2. Khái niệm biến đổi khí hậu

Luận án sử dụng thuật ngữ biến đổi như định nghĩa được của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu 2007 (IPCC) đưa ra trong báo cáo lần thứ Tư (AR4), đó là “sự biến đổi về trạng thái của hệ thống khí hậu, có thể được nhận biết qua sự biến đổi về trung bình và sự biến động của các thuộc tính của nó, được duy trì trong một thời gian đủ dài, điển hình là hàng thập kỷ hoặc dài hơn. BĐKH có thể do các quá trình tự nhiên bên trong hệ thống khí hậu, hoặc do những tác động từ bên ngoài, hoặc do tác động thường xuyên của con người làm thay đổi thành phần cấu tạo của khí quyển hoặc sử dụng đất”

1.6.3. Kịch bản

Kịch bản BĐKH là bức tranh toàn cảnh của khí hậu trong tương lai dựa trên một tập hợp các mối quan hệ khí hậu, được xây dựng để sử dụng trong nghiên cứu những hậu quả của BĐKH do con người gây ra và thường được dùng như là đầu vào cho các quy mô đánh giá tác động. Trong từng giai đoạn, IPCC đã đưa ra các kịch bản BĐKH khác nhau như trong Báo cáo lần thứ tư (AR4) và Báo cáo đánh giá lần thứ 5 (AR5). Năm 2018 IPCC đưa ra trong Báo cáo đặc biệt về sự ấm lên toàn cầu cho thấy nhiệt độ Trái Đất đã tăng vượt ngưỡng 1.5°C (IPCC, 2018); Trên cơ sở kịch bản BĐKH toàn cầu, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã đưa ra các kịch bản BĐKH cho Việt Nam

1.6.4. Ứng phó với biến đổi khí hậu

Khái niệm ứng phó với BĐKH được Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa ra năm 2008 sẽ được sử dụng trong luận án này. Đó là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm nhẹ BĐKH. Ứng phó với BĐKH gồm hai hợp phần chính là thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ BĐKH, Theo đó Thích ứng (Adaptation) với

BĐKH là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên hoặc KT-XH đối với hoàn cảnh hoặc môi trường thay đổi, nhằm mục đích giảm khả năng bị tổn thương do dao động và BĐKH hiện hữu hoặc tiềm tàng và tận dụng các cơ hội do nó mang lại. Giảm nhẹ (Mitigation) BĐKH là các hoạt động nhằm giảm mức độ hoặc cường độ phát thải KNK [Bộ TN&MT, 2008b].

1.6.5. *Thuyết nền nghiên cứu về du lịch biển trong BĐKH*

- Thuyết hành động hợp lý (TRA)
- Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL)
- Lý thuyết các bên liên quan

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tiếp cận phát triển bền vững

Tiếp cận phát triển du lịch biển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn đối với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước có nền kinh tế dựa vào nguồn lực biển. Mục tiêu 13 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên Hợp Quốc đảm bảo hành động chung của các bên liên quan nhằm giảm thiểu và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Để đáp ứng các mục tiêu này, UNWTO kêu gọi cải thiện việc đo lường và công bố lượng khí thải CO₂ từ các hoạt động du lịch, tăng cường các nỗ lực giảm thiểu và cải thiện việc loại bỏ các-bon (UNWTO, 2020b).

Vì vậy, việc tiếp cận nghiên cứu phát triển du lịch biển Thanh Hóa theo hướng bền vững trong điều kiện BĐKH như hiện nay là vấn đề cấp thiết, phù hợp với mục tiêu 13 của Liên Hợp Quốc về hành động chung của các bên liên quan nhằm giảm thiểu và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu hướng tới phát triển bền vững và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

2.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của luận án được thực hiện thông qua 2 giai đoạn và các bước cụ thể theo sau:

Giai đoạn 1

Bước 1: Xác định chủ đề và đối tượng nghiên cứu về Du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Bước 2: Làm rõ định hướng nghiên cứu

Bước 3: Tổng quan tài liệu

Bước 4: Xác định khoảng trống nghiên cứu

Bước 5: Xác định bối cảnh và phương pháp nghiên cứu

Bước 6: Xác định cơ sở lý luận nghiên cứu

Bước 7: Đề xuất mô hình nghiên cứu

(xác định rõ khái niệm lý thuyết, tìm các thang đo phù hợp)

Bước 8: Đánh giá các nội dung thành phần lý thuyết, thang đo.

Bước 9: Sàng lọc, điều chỉnh thang đo

Bước 10: Khảo sát thực địa, thu thập và phân tích dữ liệu làm rõ thực trạng về Du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Bước 11: Khảo sát thực địa, khái quát tiềm năng và thực trạng du lịch biển Thanh Hóa

Bước 12: Đánh giá thực trạng Phát triển du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh BĐKH thông qua 3 khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường

Bước 13: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng của BĐKH tới phát triển du lịch biển

Giai đoạn 2

Bước 1: Nghiên cứu định lượng sơ bộ: Pilot test (n=290)

Bước 2: Nghiên cứu định lượng chính thức (n=852)

Bước 3: Kiểm định mô hình đo lường và Kiểm định mô hình cấu trúc

Kết quả nghiên cứu

1. 2.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

2.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên nghiên cứu hiện có như đã được xem xét trong các phần trước, giả thuyết nghiên cứu được xây dựng dựa trên hai lý thuyết TRA và TPL

Giả thuyết chính:

Hành vi của các bên liên quan trong phát triển du lịch biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

Cụ thể:

H1: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi cá nhân của các bên liên quan đến BDKH.

H2: Hiểu biết về biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi cá nhân của các bên liên quan đến BDKH.

H3: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến giảm nhẹ với BDKH.

H4: Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến thích ứng với BDKH.

H5: Hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BDKH.

H6: Hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BDKH.

H7: Giảm nhẹ đối với BDKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

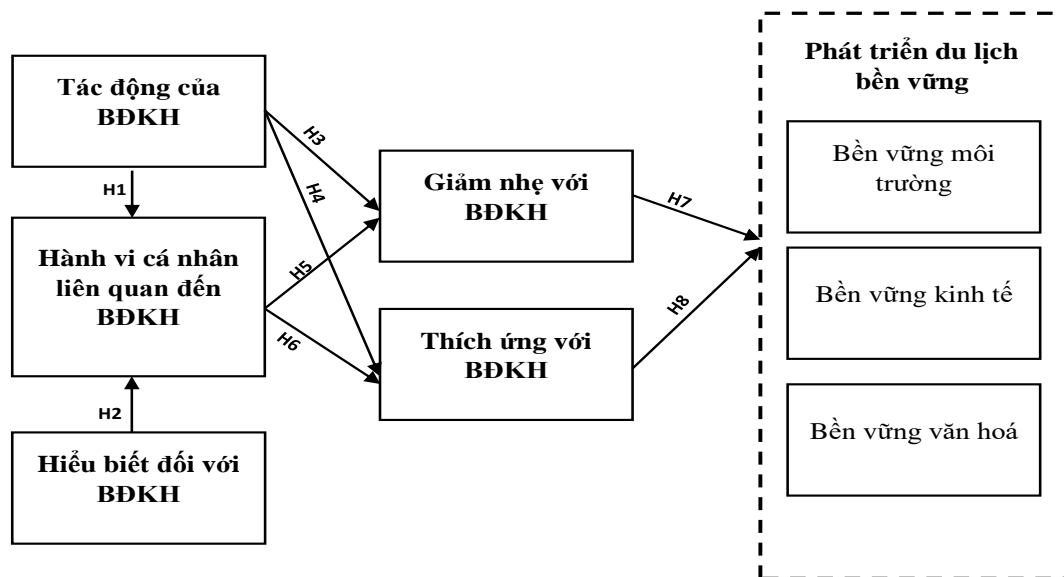
H8: Thích ứng với BDKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

H9: Giảm nhẹ đối với BDKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững.

H10: Thích ứng đối với BDKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững.

2.3.2. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp các khái niệm và cơ sở lý luận khác nhau: du lịch biển, biến đổi khí hậu, phát triển du lịch bền vững và áp dụng có điều chỉnh từ nhiều nghiên cứu trước đây đã gợi ý rằng nhận thức của một cá nhân về rủi ro biến đổi khí hậu có liên quan chặt chẽ đến các hành động giảm thiểu và thay đổi hành vi thích ứng (Akompab và cộng sự, 2013; Bai và cộng sự, 2013a; Yu và cộng sự, 2013; Wei và cộng sự, 2014; Atsbha Gebreegziabher Asmelash a,b, Satinder Kumar, 2019) Đặc biệt là thuyết hành động hợp lý (TRA) để khám phá nhận thức về biến đổi khí hậu, thái độ và hình hành vi ứng phó của các bên liên quan cho phù hợp với hoàn cảnh phát triển tại địa bàn nghiên cứu. Trên cơ sở các lập luận nêu trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu phát triển du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu – nghiên cứu hành vi của các bên liên quan, hướng tới ba trụ cột của phát triển du lịch biển bền vững là kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường theo Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL). Và sau đó, phác thảo mô hình lý thuyết và các giả thuyết cần được kiểm định; được mô tả ở hình 2.2 sau:



Hình 2.2: Mô hình nghiên cứu của đề tài

Nguồn: Đề xuất của tác giả

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu, luận án tiếp cận các phương pháp nghiên cứu: thu thập dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu trắc lượng thư mục, nghiên cứu thực địa và sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung để khám phá và phương pháp chuyên gia để điều chỉnh thuật ngữ trong thang đo của các khái niệm nghiên cứu và kiểm định mô hình lý thuyết cùng với các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của cứu định tính giúp chỉnh sửa mô hình có 55 biến quan sát đo lường 8 khái niệm cứu trong mô hình. Trong giai đoạn đầu, tác giả sử dụng phương pháp định lượng với kỹ thuật phát bảng câu hỏi khảo sát và phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính-SEM (Structural Equation Modeling) để thực hiện nghiên cứu thử nghiệm, tiến hành với 290 mẫu khảo sát các bên liên quan. Kết quả phân tích cho thấy độ tin cậy của các biến quan sát đều có hệ số Cronbach's Alpha (>0.7) và Hệ số tương quan giữa biến quan sát và tổng (>0.3) đạt ngưỡng chuẩn. Sau đó tiến hành nghiên cứu sơ bộ thang đo và giới thiệu nghiên cứu chính thức.

2.4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

2.4.2. Phương pháp nghiên cứu trắc lượng thư mục

2.4.3. Phương pháp thảo luận nhóm tập trung

2.4.4. Phương pháp nghiên cứu thực địa

2.4.5. Phương pháp chuyên gia

2.4.6. Phương pháp bảng hỏi

2.4.7. Phương pháp mô hình phương trình cấu trúc (Structural Equation Model SEM)

2.5. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

3.1.2. Thực trạng kinh doanh du lịch biển

Trong nhiều năm qua, sản phẩm du lịch biển Thanh Hóa là một trong những điểm du lịch biển nổi tiếng của vùng Bắc Trung Bộ. Hàng năm đã thu hút một lượng lớn khách du lịch sử dụng sản phẩm du lịch biển. Giai đoạn 2016-2020, các khu du lịch biển đón được trên trên 31,9 triệu lượt khách, chiếm 75,9% tổng khách du lịch toàn tỉnh, gấp 2,1 lần giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,9%/năm. Trong

đó, một số khu du lịch biển trọng điểm như Khu du lịch Sầm Sơn, giai đoạn 2016-2020 đón trên 23 triệu lượt khách, gấp 1,7 lần so với giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,8%/năm; huyện Hoằng Hóa giai đoạn 2016-2020 đón được trên 5,7 triệu lượt khách, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,2%/năm.

Đánh giá chung: Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

Điểm mạnh:

- Có vị trí đặc biệt quan trọng trên tuyến du lịch quốc gia trên quốc lộ 1A. Du lịch biển Thanh Hóa có vai trò kết nối du lịch giữa Hà Nội, đồng bằng sông Hồng với các tỉnh Bắc Trung Bộ cũng như các địa phương khác ở phía Nam. Ngoài ra du lịch biển Thanh Hóa còn có thể kết nối với cửa khẩu quốc tế với CHDCND Lào cũng như kết nối giao thông đường bộ trực tiếp với các tỉnh Tây Bắc.

- Cơ sở hạ tầng giao thông đang trong quá trình hoàn thiện cả đường bộ, đường không và thủy. Khoảng cách địa lý không lớn giữa các điểm du lịch biển Thanh Hóa với Hà Nội là một lợi thế to lớn để thu hút khách du lịch từ một trong những thị trường gửi khách lớn nhất nước là Hà Nội. Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình hoàn thành, đưa vào sử dụng đã rút ngắn thời gian từ Hà Nội vào các điểm du lịch biển Thanh Hóa từ 3,5h xuống còn 2,5h.

- Hệ thống tài nguyên du lịch biển đa dạng, phong phú, có giá trị quốc tế và quốc gia.

- Một số điểm đến du lịch biển đã có thương hiệu. Đặc biệt là Sầm Sơn đã là một điểm đến với thương hiệu và vị trí được công nhận từ hàng chục năm qua trên bản đồ du lịch Việt Nam. Quan trọng hơn, hình ảnh về chất lượng sản phẩm du lịch biển Sầm Sơn nói riêng và du lịch Thanh Hóa nói chung trong vài năm trở lại đây đã thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tích cực.

- Quan niệm của khách du lịch trong nước và quốc tế về chất lượng điểm đến du lịch biển Thanh Hóa, đặc biệt là Sầm Sơn, đã cơ bản thay đổi theo hướng tích cực.

- Thanh Hóa có 4 khu kinh tế quan trọng: Nghi Sơn, Sầm Sơn, Lam Sơn – Sao Vàng và Bim Sơn, gọi chung là “tứ Sơn”, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối phát du lịch biển

- Nhận thức của người dân đã có những chuyển biến rõ rệt về vai trò quan trọng của du lịch biển cũng như sự cần thiết phải gìn giữ thương hiệu và chất lượng của sản phẩm dịch vụ du lịch biển sẽ là cơ sở để phát triển du lịch Thanh Hóa một cách bền vững.

Điểm yếu:

- Khả năng dự báo và thích ứng với những thay đổi về nhu cầu và xu hướng thị trường chưa cao. Năng lực định hướng, phát triển và xây dựng sản phẩm còn hạn chế.

- Quản lý, giám sát triển khai quy hoạch còn hạn chế.

- Hệ thống sản phẩm du lịch biển còn đơn điệu, rời rạc, thiếu tính liên kết trong tỉnh cũng như trong vùng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ cơ bản không cao và không đồng đều.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu, chất lượng chưa cao, chưa đồng đều.

- Nhận thức về biến đổi khí hậu của các bên liên quan chưa đồng đều, một số bên mới dừng lại ở chỗ biết nhưng chưa có nhiều hành động cụ thể để giảm nhẹ và thích ứng

- Năng lực ứng phó với BĐKH của ngành du lịch biển chưa được quan tâm đầu tư nhiều.

- Công tác đầu tư cho phát triển du lịch biển, đặc biệt là từ nguồn ngân sách nhà nước chưa đáp ứng nhu cầu, thiếu cân đối giữa đầu tư cho khu vực ven biển với các địa bàn khác trong tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch chưa thực sự hiệu quả, chuyên nghiệp, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nước với các doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp trong hoạt động này.

- Chất lượng nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là hướng dẫn viên tại các điểm du lịch, lao động phục vụ trực tiếp còn nhiều hạn chế về kỹ năng nghề, khả năng ngoại ngữ, văn hóa ứng xử.

- Môi trường du lịch biển còn nhiều bất cập. Vấn đề xử lý rác thải tại các khu du lịch biển hầu như chưa được giải quyết. Nhiều khu di tích, danh thắng chưa có nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Môi trường xã hội chưa đảm bảo tính bền vững.

- Hệ thống hạ tầng giao thông tiếp cận các khu, điểm du lịch biển còn nhiều khó khăn. Giao thông đường thủy, đường biển phục vụ du lịch biển chưa phát triển, khả năng kết nối các loại hình giao thông chưa tốt.

- Với đặc thù thời tiết của khu vực phía Bắc, chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc, du lịch biển Thanh Hóa cho tới nay vẫn chủ yếu chỉ được khai thác vào các tháng Hè, do vậy hiệu quả kinh doanh chưa cao, nhiều khi dẫn tới những hệ lụy nghiêm trọng như cạnh tranh không lành mạnh, chật chém khách du lịch

Cơ hội:

- Sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ và lãnh đạo Tỉnh, sự tham gia của các sở, ban, ngành trong phát triển du lịch biển bền vững.

- Chiến lược, quy hoạch tổng thể, các chương trình phát triển du lịch chung của tỉnh trong đó có các điểm du lịch biển cho từng giai đoạn đã được ban hành.

- Nhận thức của nhân dân về lợi ích mà du lịch biển mang lại đã có những thay đổi cơ bản.

- Xu hướng tăng trưởng và phát triển du lịch cả nước, thị trường ổn định, kết hợp với sự sẵn sàng và mong muốn hợp tác liên kết phát triển các sản phẩm du lịch trong vùng của các địa phương.

- Nhu cầu đi du lịch có trách nhiệm ở Việt Nam và trên thế giới ngày càng ra tăng

- Ứng phó (giảm nhẹ và thích ứng) với BĐKH đã trở thành mục tiêu và hành động chung của toàn ngành, toàn dân, toàn đảng và toàn cầu.

Thách thức:

- Theo kịch bản BĐKH 2020: Tác động của BĐKH và NBD ngày càng rõ nét và cực đoan

- Tính mùa vụ trong phát triển du lịch biển cao, luôn chịu tác động lớn từ thiên tai và nhạy cảm với những tác động từ môi trường.

- Ô nhiễm môi trường ngày càng ra tăng

- Diện tích rộng, sự phân bố các tài nguyên du lịch biển khá dàn trải nên việc kết nối sẽ gặp khó khăn nếu hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng ven biển còn chưa hoàn thiện và thuận lợi.

- Thiếu hụt về nguồn lực cho phát triển du lịch biển như vốn đầu tư, nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là lao động kỹ năng nghề có chất lượng cao.

- Mức độ cạnh tranh trong vùng gia tăng.

- Việc cân bằng giữa phát triển và phát triển du lịch biển bền vững theo các chính sách của thế giới và quốc gia trong việc giảm nhẹ khí nhà kính, đầu tư sử dụng công nghệ mới thân thiện môi trường cũng đang là rào cản lớn

3.1.2. Tác động của BĐKH đến du lịch biển Thanh Hóa

3.1.2.1. Kịch bản biến đổi khí hậu tỉnh Thanh Hóa

Kịch bản BĐKH cho tỉnh Thanh Hóa được bộ TNMT xây dựng năm 2016. Kịch bản RCP4.5 được khuyến khích áp dụng, kịch bản RPC8.5 là trường hợp xấu nhất được dự tính.

a. Kịch bản biến đổi về nhiệt độ

Nhiệt độ tỉnh có xu thế tăng dần qua các năm theo các kịch bản BĐKH của Bộ TNMT.

Theo kịch bản BĐKH - RCP4.5 được Bộ TNMT xây dựng cho tỉnh Thanh Hóa, nhiệt độ trung bình năm khu vực tăng 0,7°C vào giai đoạn 2016-2035, tăng 1,6°C vào giai đoạn 2046-2065 và đến giai đoạn 2080-2099 sẽ tăng dự tính là 2,2°C (Giá trị trong ngoặc đơn là khoảng biến đổi xung quanh giá trị trung bình).

Có thể nhận thấy nhiệt độ dự kiến tăng mạnh nhất vào mùa hè. Đến giai đoạn 2046-2065, nhiệt độ mùa hè dự kiến sẽ tăng khoảng 0,8°C, đến giai đoạn 2080-2099 sẽ tăng khoảng 2,7°C.

Theo kịch bản RCP 4.5, số ngày nắng nóng so với thời kỳ cơ sở tăng 27,8 ngày; tăng lên 67,4 ngày vào giữa thế kỉ và 91,9 ngày vào cuối thế kỉ.

3.1.2.2. Kịch bản biến đổi về lượng mưa

Kết quả xây dựng kịch bản BĐKH cho thấy mức tăng lượng mưa năm đến giai đoạn gần nhất là từ năm 2016-2035 theo kịch bản phát thải RCP4.5 là 10,1%, giai đoạn 2046-2065 là 17,6% và đến giai đoạn 2080-2099 dự tính tăng 21,3%.

Tổng lượng mưa trong các mùa của tỉnh Thanh Hóa đều được dự tính tăng. Trong đó, duy nhất lượng mưa mùa Xuân vào giai đoạn 2016-2035 sẽ có xu hướng giảm -1,1%.

b. Kịch bản nước biển dâng

Diện tích đất bị ngập do nước biển dâng tại tỉnh Thanh Hóa so với cả nước không lớn. Nếu mực nước biển dâng cao 100cm chỉ có khoảng 1,43 diện tích đất bị ngập.

Một số huyện ven biển chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước biển dâng, đặc biệt là khu vực cửa sông và một số vùng đồng bằng ven biển. Hai huyện của tỉnh là Hoàng Hóa và Sầm Sơn có tỉ lệ diện tích bị ngập là lớn nhất (8,44% và 7,06% - khi nước biển dâng 50cm).

Khi nước biển dâng cao, dòng thủy triều chảy ngược mang nước biển có độ mặn xâm nhập vào các cửa sông. Mức độ nhiễm mặn trên các sông phụ thuộc vào các yếu tố: chế độ thủy triều vùng cửa sông, độ dốc lòng sông, lưu lượng dòng chảy trên sông,...ngoài ra quá trình xâm nhập mặn vào các sông còn chịu ảnh hưởng của các nhân tố như sóng, gió và các công trình khai thác nước, điều tiết nước trên sông.

3.1.2.3. BĐKH tác động đến tài nguyên du lịch

a. Tài nguyên du lịch tự nhiên

- Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng đã gây ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển du lịch, tác động xấu đến tài nguyên du lịch, Những khu vực được xác định chịu tác động lớn nhất của các hiện tượng khí hậu cực đoan là dải ven biển Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Hiện tượng nóng lên toàn cầu gây ra những biến đổi hoàn lưu khí quyển và đại dương, đặc biệt là hoàn lưu gió mùa dẫn đến những biến động về nhiệt độ, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết. Các kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy, nhiệt độ không khí trung bình ở Thanh Hóa tăng khoảng 0,1°C/thập niên. Hiện tượng Elnino ngày càng có tác động mạnh đến chế độ thời tiết và khí hậu ở Thanh Hóa. Nhiệt độ gia tăng và nắng gắt, khô hạn, lượng mưa giảm dẫn đến lượng nước ngọt giảm sẽ ảnh hưởng nhiều đến đời sống sinh hoạt và kinh doanh du lịch, làm tăng chi phí vận hành.

- Hiện tượng bốc hơi tăng trên lục địa và đại dương dẫn đến tăng hàm lượng ẩm trong khí quyển và tăng hội tụ ẩm từ đại dương vào lục địa làm tăng khả năng mưa lớn trên lục địa. Mùa bão kéo dài và dịch lùi dần về các 8,9,10 và các tháng cuối năm, quỹ đạo của các cơn bão cũng có xu hướng chuyển dần về các vĩ độ phía Nam. Mưa to với mật độ dày gây làm ngập lụt các đoạn đường đến các địa điểm du lịch, gây sạt lún, bào mòn hệ thống núi đá vôi,... làm mất đi cảnh quan sinh thái khu, điểm du lịch, các hệ thống hang động đẹp như: động Ngọc Hoàng, ở đây còn có các động khác như động Tiên, động Ngọc Nữ, Khu du lịch biển Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia.

- Nước biển dâng làm thay đổi địa hình và thêm biển, làm thu hẹp và thay đổi độ sâu của các bãi tắm. Tác động làm nước biển dâng, theo công bố của Bộ Tài nguyên & Môi trường (ban hành kèm theo quyết định số 487/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2016) thì mực nước biển lớn nhất tại Thanh Hóa là +146cm. Mực nước này sẽ được tích hợp thêm do sự dâng lên của nước biển theo kịch bản B2 (2012). Các kịch bản NBD là các kịch bản ngập thuận túy do ảnh hưởng nước biển dâng, không xét đến sự thay đổi về lượng mưa và sự thay đổi của địa hình trong tương lai và cũng không xem xét tới tác dụng của các công trình bảo vệ trên đó.

Mực nước biển dâng qua các thời kì so với thời kì nền. Với kịch bản phát thải trung bình đến năm 2020 mực nước biển dâng trung bình là 7-8cm. Đến năm 2050 mực nước đã tăng lên đến 20-24cm và cuối thế kỉ năm 2100 mực nước tăng lên 49-65cm. Như vậy đến cuối thế kỷ nước biển đã tăng hơn 8 lần so với năm 2020.

- Dòng chảy lũ đã tăng lên ở hầu hết các vùng, nhất là cửa biển Lạch Hới, Sầm Sơn những nơi có nhiều tài nguyên du lịch nhưng hàng năm vẫn chịu hạn hán nặng nề vào mùa khô.

- Thành phố Sầm Sơn có bờ biển dài khoảng 6 km từ cửa Lạch Hới đến chân núi Trường Lệ; khu vực du lịch biển xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; khu vực du lịch biển Nghi Sơn, Hải Hòa, Tĩnh Gia; biển Hải Tiến, Hoàng Hóa... hiện tượng sạt lở, xâm thực bờ biển do biến đổi khí hậu và nước biển dâng những năm vừa qua.

Bờ biển dọc đường Hồ Xuân Hương và khu vực phía Nam núi Trường lên, thành phố Sầm Sơn thường xuyên bị biển xâm thực, đặc biệt khu vực bờ biển Quảng Cư. Chỉ tính từ tháng 4/2005 đến nay, khu du lịch sinh thái Quảng Cư đã bị sóng biển làm sạt lở với chiều dài hơn 1.000m, lấn sâu vào đất liền hơn 30m-100m làm hơn 25.000m² rừng phi lao bị biển cuốn trôi, một phần quần thể của khu du lịch Vạn Chài bị sạt lở và sụp đổ. Tuyến bờ biển khu vực xã Quảng Nham có chiều dài hơn 4,2 km, phạm vi cuối tiếp giáp với cửa sông Yên. Đây là khu vực sinh sống lâu đời của 515 hộ dân thuộc hai thôn Tân và thôn Tiến. Do giáp cả biển lẫn sông, khu vực này chịu tác động trực tiếp, thường xuyên của thủy triều, gió bão. Tính từ năm 2005 đến nay, bờ biển khu vực này đã bị xâm thực sâu hơn 70m, làm mất đi hơn 30 ha rừng phòng hộ ven biển, chỗ hẹp nhất chỉ còn 70 m (tính từ mép nước phía biển sang mép nước phía sông), đe dọa trực tiếp tính mạng và tài sản của người dân, gây nguy cơ xóa sổ hoàn toàn 282 ha diện tích rừng phòng hộ của thôn Tân và thôn Tiến. Hiện tượng xâm thực có thể làm mất khu tránh trú bão tự nhiên cho tàu thuyền của ngư dân trong khu vực. nước mặn sẽ xâm nhập sâu và nội địa, giết chết nhiều loài động và thực vật nước ngọt của hệ sinh thái

- Hệ sinh thái biển tại các vùng biển du lịch Thanh Hóa sẽ bị tổn thương. Các rặng san hô là nơi sinh sống của nhiều loài hải sản quan trọng và nhiều loài sinh vật biển khác, là lá chắn chống xói mòn bờ biển và bảo vệ rừng ngập mặn, sẽ bị suy thoái do nhiệt độ nước biển tăng và đồng thời mưa nhiều.

- Tác động đến sóng, Từ tháng VI đến tháng VIII, hướng gió thịnh hành vào là gió mùa Tây Nam thường ổn định với tốc độ nhỏ hơn, tuy nhiên lại là thời gian hay xuất hiện các điều kiện thời tiết nguy hiểm do BDKH như bão hay áp thấp nhiệt đới. Độ cao sóng vào những tháng này đạt 0,6-0,7m, đặc biệt khi có bão lớn đổ bộ vào có thể đạt độ cao khoảng 6m có nguy cơ gây vỡ hệ thống đê điều ven biển Thanh Hoá, xói lở đường bờ biển cũng như thiệt hại cho du lịch biển Thanh Hoá.

b. Tài nguyên du lịch văn hóa

3.1.2.4. BDKH tác động đến cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất du lịch biển

Nếu hạ tầng và cơ sở vật chất được ví như “xương sống” của ngành du lịch; thì giao thông được xem là “huyết mạch” giúp vận hành cỗ máy du lịch một cách trơn tru.

Hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông có ý nghĩa đặc biệt đối hoạt động phát triển du lịch bởi du lịch liên quan chặt chẽ đến vận chuyển khách du lịch từ nơi cư trú thường xuyên của họ đến các địa điểm tham quan, nghỉ dưỡng du lịch.

Bão, lũ với cường độ lớn sẽ gây thiệt hại, nhiều trường hợp làm hư hỏng, mất mát các công trình xây dựng, kể cả công trình dịch vụ du lịch.

3.1.2.5. BDKH Tác động đến hoạt động du lịch lữ hành

Một trong những điều kiện quan trọng để tổ chức thực hiện chương trình du lịch là điều kiện về khí hậu, thời tiết.

Trong điều kiện thời tiết mưa, gió, tầm nhìn hạn chế, hoạt động tham quan du lịch, hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, v.v. trong một chương trình du lịch (tour du lịch) sẽ bị hạn chế và trong nhiều trường hợp thời tiết nguy hiểm sẽ bị hủy bỏ thay đổi.

Như vậy có thể thấy BDKH với những biểu hiện về sự thay đổi quy luật thời tiết và sự xuất hiện ngày các tầng các hiện tượng thời tiết cực đoan, sẽ có những tác động tiêu cực đến việc tổ chức thực hiện các chương trình du lịch, gây ảnh hưởng không chỉ đối với hoạt động kinh doanh du lịch mà còn gây ảnh hưởng đến quyền lợi và trong một số trường hợp gây nguy hiểm cho tính mạng của du khách.

Trong nhóm tác động này của BDKH còn cần phải lưu ý đến sự xuất hiện và phát triển của nhiều loại dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người. Điều này gián tiếp ảnh hưởng đến “cầu” của khách và qua đó ảnh hưởng đến hoạt động du lịch nói chung và hoạt động lữ hành nói riêng.

Cần có những thay đổi phù hợp và phương án dự phòng cho các chương trình đã xây dựng và đang triển khai trước những sự cố bất thường của điều kiện thời tiết cực đoan. Điều này gần như chắc chắn sẽ phát sinh thêm chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty du lịch.

3.1.2.6. BDKH Tác động đến các hoạt động du lịch biển

Cùng với đó, biển Thanh Hóa còn được thiên nhiên ưu đãi toàn với đường bờ biển dài 102 km, vùng lãnh hải rộng 17.000 km², vùng biển và ven biển Thanh Hóa có tài nguyên khá phong phú, đa dạng, trong đó nổi bật là tài nguyên sinh vật biển, tài nguyên du lịch biển và dịch vụ hàng hải, những điều kiện tự nhiên lý tưởng khác như: nước biển nóng ấm, vào mùa đông nhiệt độ nước biển ít khi xuống dưới 20^oC, vào mùa hè

nhệt độ nước dao động ở mức 250°C - 270°C . Độ mặn trung bình của nước biển vào khoảng 3,2%. Biển nông so với biển của các tỉnh lân cận như Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam ở phía Bắc và Nghệ An ở phía Nam. Có khi đi xa bờ biển đến 1km thì độ sâu đáy biển mới sâu được 1m, do đó dù khi "biển lặng" nơi này sóng vẫn tạo nên bọt trắng xóa ào ạt xô vào bờ. Đây là, những điều kiện lý tưởng để chúng ta đa dạng các loại hình sản phẩm du lịch biển với những trải nghiệm thú vị cho khách du lịch.

Đọc theo bờ biển có nhiều bãi cát trắng mịn thoải, sóng biển êm dịu dễ tắm, hệ sinh thái bao quanh rất đa dạng, sở hữu không gian biển tự nhiên rộng đẹp, khung cảnh bình yên thoải mái, nước biển có độ mặn vừa phải và thuận tiện đi lại ... là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch biển.

Tuy nhiên, hiện nay BĐKH không chỉ tác động đến các tài nguyên du lịch mà còn tác động trực tiếp đến cơ sở hạ tầng du lịch và các hoạt động lễ hành ở các địa điểm du lịch biển Thanh Hóa.

3.2. Kết quả phân tích bảng hỏi

3.2.1. Thống kê mô tả mẫu khảo sát chính thức

Theo số lượng cỡ mẫu đã được tính ở phần phân phương pháp nghiên cứu, cỡ mẫu tối thiểu để đảm bảo mức độ tin cậy của kết quả nghiên cứu chỉ là 384. Tuy nhiên trong thực tế khảo sát online thì số lượng mẫu nghiên cứu thu được có 852 mẫu hợp lệ, nên NCS sử dụng tất cả các mẫu hợp lệ để phân tích.

3.2.2. Kết quả kiểm chứng tính phù hợp của mô hình nghiên cứu

Dựa trên bảng câu hỏi khảo sát sơ bộ, đề tài khảo sát ý kiến của 290 đối tượng bằng phương pháp khảo sát trực tiếp. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS thông qua kỹ thuật phân tích Cronbach Alpha và nhân tố khám phá EFA nhằm kiểm định độ tin cậy, độ giá trị của thang đo.

Tóm tắt kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha ở Bảng 3.6 cho thấy tất cả các khái niệm đều đạt hệ số Cronbach Alpha từ 0.70 trở lên, cụ thể: hệ số Cronbach Alpha biến thiên từ 0.819 đến 0.946; do đó, không cần thiết phải loại biến để nâng cao hệ số Cronbach Alpha. Ngoài ra, các biến quan sát còn lại đều có hệ số tương quan tổng (điều chỉnh) từ 0.30 trở lên.

Phân tích sơ bộ nhân tố khám phá

Sau khi phân tích hệ số Cronbach alpha, đề tài tiếp tục kiểm định sơ bộ thang đo bằng kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm loại bỏ các biến rác và đảm bảo tính đơn hướng cho thang đo.

Hệ số KMO = 0.796 (> 0.5) và kiểm định Barlett có Sig. = 0.000 ($< .05$) cho thấy EFA là thích hợp. Tại mức Eigenvalues = 1.250 (> 1), phân tích EFA đã rút trích được 8 nhân tố từ 55 biến quan sát với tổng phương sai trích là 63.353%. Trong EFA, các biến quan sát có hệ số tải nhân tố dao động từ 0.568 đến 0.900 ($> .5$). Như vậy, sau khi phân tích EFA thì 55 biến quan sát này đã đảm bảo được tiêu chuẩn phân tích EFA. Các biến này sẽ được đưa vào nghiên cứu định lượng chính thức.

3.2.3. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Đánh giá độ tin cậy của thang đo được thực hiện thông qua kỹ thuật phân tích Cronbach Alpha cho từng nhóm thang đo. Phân tích Cronbach's Alpha nhằm đánh giá giá trị hội tụ của các biến quan sát trong một thang đo. Thang đo đạt yêu cầu khi hệ số Cronbach's Alpha > 0.7 và tương quan biến tổng của các biến quan sát > 0.3 . Tổng cộng 8 thang đo với 55 biến quan sát. Sau đó loại đi 5 còn 50 biến quan sát được đánh giá lần lượt.

Thang đo "Hiểu biết về BĐKH" có 2 biến quan sát HB8 (Nguồn chính để tôi nhận được thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu là các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp, các lớp tập huấn nâng cao nhận thức...) và HB9 (Biến đổi khí hậu có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực) có hệ số tương quan biến – tổng < 0.3 , không đạt yêu cầu. Vì vậy, 2 biến quan sát này bị loại.

Thang đo "Tác động của BĐKH" có 2 biến quan sát TD3 (Ảnh hưởng đến hoạt động du lịch) và TD5 (Gia tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm) có hệ số tương quan biến – tổng < 0.3 , không đạt yêu cầu. Vì vậy, 2 biến quan sát này bị loại.

Thang đo "Giảm nhẹ BĐKH" có 1 biến quan sát GN1 (Tôi phát triển tối ưu hóa sản phẩm, dịch vụ du lịch biển thân thiện với môi trường) có hệ số tương quan biến – tổng < 0.3 , không đạt yêu cầu. Vì vậy, 1 biến quan sát này bị loại.

Kết quả phân tích Cronbach alpha sau khi loại HB8, HB9, TD3, TD5, GN1 của các thang đo được trình bày trong bảng 3.8, cho thấy tất cả các khái niệm đo lường đều đạt hệ số Cronbach Alpha từ 0.70 trở lên. Cụ thể, hệ số Cronbach Alpha biến thiên từ 0.819 (thang đo Bền vững kinh tế) đến 0.916 (thang đo Tác động của BĐKH) do đó không cần thiết phải loại biến để nâng cao Cronbach Alpha. Ngoài ra, các biến quan sát đều có

hệ số tương quan biến tổng từ 0.30 trở lên. Như vậy, thang đo các khái niệm nghiên cứu đạt độ tin cậy yêu cầu.

3.2.4. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố cho tất cả mọi biến trong mô hình được thực hiện với phương pháp rút trích nhân tố là “Principal Axis Factoring” với phương pháp xoay là “Promax. Một số tiêu chuẩn khi thực hiện phân tích EFA:

- Thứ 1: hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin) ≥ 0.5 . Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett ≤ 0.05 . (Hair và cộng sự, 2010).
- Thứ 2: Hệ số tải nhân tố (factor loading) ≥ 0.5 . Chênh lệch hệ số tải của 1 biến quan sát lên các nhân tố phải từ 0.3 trở lên để đảm bảo độ phân biệt giữa các nhân tố. Nếu biến quan sát có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.5 hoặc chênh lệch hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại. (Hair và cộng sự, 2010)
- Thứ 3: thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$. (Hair và cộng sự, 2010).
- Thứ 4: Hệ số Eigenvalue có giá trị ≥ 1 . (Hair và cộng sự, 2010).

EFA lần 1:

Kiểm định KMO có hệ số KMO = 0.936 (tức là > 0.5); kiểm định Bartlett có Sig.=0.000 (tức là nhỏ hơn mức ý nghĩa 0.05), có nghĩa là các biến có quan hệ với nhau. Điều này cho thấy phân tích EFA là rất thích hợp. Tại mức giá trị Eigenvalues = 1.264 (>1), EFA đã rút trích được 8 nhân tố (đúng bằng số nhân tố so với mô hình nghiên cứu đề xuất) từ 50 biến quan sát với tổng phương sai trích là 53.515% ($>50\%$). Các biến quan sát có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.5 hoặc các biến tải lên nhiều hơn một nhân tố với chênh lệch các hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.3 phải bị loại. Theo đó, các biến bị loại bao gồm: HB3. Sau đó thực hiện EFA lần 2.

EFA lần 2:

Kiểm định KMO có hệ số KMO = 0.936 (tức là > 0.5); kiểm định Bartlett có Sig.=0.000 (tức là nhỏ hơn mức ý nghĩa 0.05), có nghĩa là các biến có quan hệ với nhau. Điều này cho thấy phân tích EFA là rất thích hợp.

Tại mức giá trị Eigenvalues = 1.264 (>1.0), EFA đã rút trích được 8 nhân tố từ 49 biến quan sát với tổng phương sai trích là 54.078% ($>50\%$) và không có nhân tố mới được hình thành so với mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu. Trong lần EFA này, các biến quan sát có hệ số tải nhân tố dao động từ 0.567 đến 0.939 (tức là đều lớn hơn 0.5). Như vậy, sau khi phân tích EFA lần 2 thì 49 biến quan sát này đã đảm bảo các tiêu chuẩn phân tích EFA (đã đạt yêu cầu về độ hội tụ và độ phân biệt) nên không có biến nào bị loại ở giai đoạn này.

Để đảm bảo độ tin cậy của các thang đo, tiếp tục thực hiện Cronbach's Alpha đối với 49 biến quan sát thuộc 8 nhân tố được giữ lại sau khi phân tích EFA. Kết quả phân tích cho thấy: thang đo 8 nhân tố rút trích được sau phân tích EFA đáp ứng được các tiêu chuẩn của phân tích Cronbach's Alpha. Điều này có nghĩa rằng các thang đo này đảm bảo tốt độ tin cậy để thực hiện tiếp các phân tích tiếp theo.

Như vậy, từ kết quả phân tích Cronbach's Alpha trước và sau EFA cũng như kết quả phân tích EFA, có thể kết luận sơ bộ các thang đo bao gồm 39 biến quan sát thuộc 8 nhân tố như trình bày tại Bảng 3.11 đạt yêu cầu về độ giá trị hội tụ, độ giá trị phân biệt và độ tin cậy. Bộ thang đo gồm **49 biến quan sát này sẽ được tiếp tục kiểm định và phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để có kết luận cuối cùng về giá trị của chúng.**

3.2.5. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Để kiểm định giá trị phân biệt của tất cả các khái niệm nghiên cứu trong mô hình nghiên cứu, một mô hình tối hạn được thiết lập, với các khái niệm nghiên cứu được tự do quan hệ với nhau.

3.2.5.1. Đánh giá mức độ phù hợp chung của mô hình

Kết quả CFA cho thấy mô hình tối hạn có 1099 bậc tự do, giá trị kiểm định chi-square= 2208.549 với P-value = 0.000 và chi-square/df = 2.010 đạt yêu cầu < 3 và các chỉ số chỉ ra mô hình phù hợp với dữ liệu thị trường (CFI = 0.946, GFI=0.899, TLI=0.942 thỏa yêu cầu > 0.9 , RMSEA= 0.034 < 0.08). Theo Hair và cộng sự (2011), chỉ số GFI > 0.8 vẫn có thể chấp nhận được. Vì vậy, có thể kết luận mô hình đảm bảo mức độ phù hợp chung.

3.2.5.2. Đánh giá độ tin cậy tổng hợp (CR) và phương sai trích (AVE)

Kiểm định độ tin cậy của các thang đo ở bảng 3.12 cho thấy phương sai trích (ρ_{vc}) và hệ số tin cậy tổng hợp (ρ_c) của các thành phần đều đạt yêu cầu. Hệ số tin cậy tổng hợp (ρ_c) dao động từ 0.827 đến 0.917 (thỏa yêu cầu ≥ 0.70) và tổng phương sai trích dao động từ 50.2% đến 67.3% (thỏa yêu cầu $\geq 50\%$). Điều này cho thấy thang đo đảm bảo độ tin cậy.

Độ tin cậy tổng hợp (ρ_c) và tổng phương sai trích (ρ_{vc}) được tính theo công thức sau:

$$\rho_c = \frac{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2}{(\sum_{i=1}^p \lambda_i)^2 + \sum_{i=1}^p (1-\lambda_i)^2}; \rho_{vc} = \frac{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2}{\sum_{i=1}^p \lambda_i^2 + \sum_{i=1}^p (1-\lambda_i^2)}$$

Trong đó: λ_i là trọng số chuẩn hóa của biến quan sát thứ i , $(1-\lambda_i^2)$ là phương sai của sai số đo lường biến quan sát thứ i và p là số biến quan sát của thang đo.

3.2.5.3. Đánh giá độ hội tụ

Phương sai trích trung bình lớn hơn 50% và hệ số tin cậy tổng hợp lớn hơn 0.70 như vừa trình bày mục 3.2.5.2 (kiểm định độ tin cậy thang đo). Thêm vào đó, các hệ số tải của các biến quan sát lên nhân tố tương ứng có giá trị dao động từ 0.629 đến 0.876 (chi tiết tại bảng 3.13), tức thỏa yêu cầu lớn hơn 0.50. Từ đó, có thể kết luận rằng thang đo trong mô hình đảm bảo tốt giá trị hội tụ.

3.2.5.4. Đánh giá độ phân biệt

Giá trị phân biệt cho thấy tính duy nhất hoặc tính khác biệt của một cấu trúc khi so sánh với các cấu trúc khác trong mô hình. Fornell và Larcker (1981) khuyến nghị rằng tính phân biệt được tìm thấy khi căn bậc 2 của AVE cho mỗi biến tiềm ẩn cao hơn các giá trị tương quan khác trong số các cấu trúc khác.

Các giá trị nằm trên đường chéo là căn bậc 2 của AVE của nhân tố. Các giá trị nằm dưới đường chéo là mối tương quan giữa các cấu trúc tương ứng trong mô hình. Giá trị phân biệt đối với tất cả các cấu trúc đạt được khi giá trị đường chéo cao hơn các giá trị trong hàng và cột của nó. Dựa vào bảng 3.14, có thể kết luận rằng tính giá trị phân biệt cho cả 8 cấu trúc trong mô hình nghiên cứu đã đạt được.

3.2.6. Kiểm định mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

3.2.6.1. Kiểm định mô hình lý thuyết chính thức

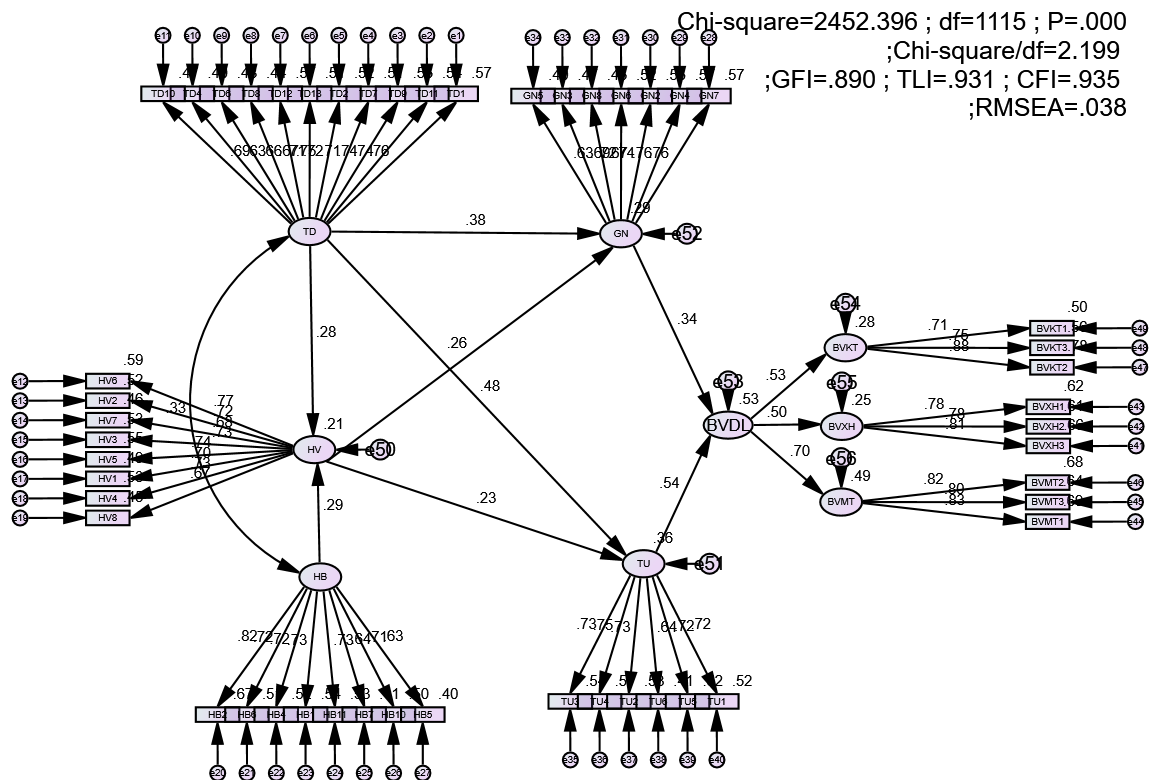
Kết quả ước lượng của mô hình lý thuyết chính thức được trình bày ở hình 3.13. Có 5 khái niệm chính trong mô hình. Trong đó:

Phát triển du lịch bền vững là khái niệm bậc 2 gồm 3 khái niệm bậc 1 là: Bền vững về môi trường (BVMT), Bền vững kinh tế (BVKT) và Bền vững văn hóa (BVVH).

Hiểu biết về BDKH, Tác động của BDKH, Hành vi của các bên liên quan đến BDKH, Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH) là các khái niệm bậc 1.

Kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính với phương pháp ước lượng ML cho thấy mô hình có 1115 bậc tự do. Tuy giá trị Chi-square có $p = .000$ (Chi-square = 2452.396) nhưng Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do $CMIN/df$ có giá trị là 2.199 (đảm bảo yêu cầu nhỏ hơn 3.00). Ngoài ra các chỉ tiêu khác đều đạt yêu cầu $CFI = .935$; $TLI = .931$; (tất cả đều đạt yêu cầu $> .90$) và $RMSEA = .038$ (đạt yêu cầu $< .080$). Như vậy, chúng ta có thể kết luận là mô hình này phù hợp với dữ liệu thu thập từ thị trường.

Tất cả những mối tương quan được giả thuyết trong mô hình nghiên cứu được chứng minh bằng kiểm định mô hình SEM. Kết quả ước lượng (chuẩn hóa) của các tham số chính được trình bày trong bảng 3.11. Bảng trọng số của mô hình cho thấy, tương quan giữa các thành phần trong mô hình nghiên cứu đều có ý nghĩa thống kê ($p < .05$). Vì vậy, các giả thuyết nghiên cứu đề xuất được chấp nhận.



Hình 3.13: Kết quả SEM chuẩn hóa của mô hình lý thuyết

3.2.6.2. Kiểm định ước lượng mô hình bằng Bootstrap

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp bootstrap với số lượng mẫu lặp lại N=1000. Kết quả ước lượng từ 1000 mẫu được tính trung bình kèm theo độ chệch được trình bày trong bảng 3.16. Chúng ta thấy độ chệch tuy xuất hiện nhưng không nhiều và lớn (từ 0.000 đến 0.002) và giá trị tới hạn CR ≤ 2.0. Vì vậy, ta có thể kết luận các ước lượng trong mô hình có thể tin cậy được.

3.2.6.3. Kiểm tra vai trò của biến trung gian

Một biến được gọi là biến trung gian khi nó tham gia giải thích cho mối quan hệ giữa biến độc lập và phụ thuộc (Baron & Kenny 1986).

Để kiểm tra xem biến Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH) có đóng vai trò là biến trung gian trong mối quan hệ giữa Hành vi của các bên liên quan đến BĐKH (HV) và Phát triển du lịch bền vững (BVDL), nghiên cứu này sử dụng phân tích SEM với phương pháp Bootstrap để kiểm tra tác động trực tiếp và gián tiếp của giữa Hành vi của các bên liên quan đến BĐKH (HV) và Phát triển du lịch bền vững (BVDL) thông qua Thích ứng với biến đổi khí hậu (TU) và Giảm thiểu biến đổi khí hậu (GTH).

Một biến được xem là biến trung gian khi tác động gián tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc thông qua biến trung gian đó có ý nghĩa thống kê. Theo Iacobucci và cộng sự (2007):

- Biến đóng vai trò trung gian toàn phần khi tác động trực tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc (khi có biến trung gian) không có ý nghĩa thống kê và tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê.
- Biến đóng vai trò trung gian một phần khi tác động trực tiếp của biến độc lập lên biến phụ thuộc (khi có biến trung gian) có ý nghĩa thống kê và tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê.

***: tác động có ý nghĩa thống kê ở mức 1%

Giả thuyết H9, kết quả phân tích cho thấy rằng ảnh hưởng gián tiếp $a*b = 0.091$ với giá trị $p < 0.05$ có ý nghĩa thống kê. Nên : Giảm nhẹ đối với BĐKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững. Do đó, giả thuyết H9 được hỗ trợ.

Giả thuyết H10, kết quả phân tích cho thấy rằng ảnh hưởng gián tiếp $a*b = 0.123$ với giá trị $p < 0.05$ có ý nghĩa thống kê. Nên Thích ứng đối với BĐKH có vai trò trung gian giữa ý định hành vi của các bên có liên quan và phát triển du lịch bền vững. Do đó, giả thuyết H10 được hỗ trợ.

CHƯƠNG 4: THẢO LUẬN, HÀM Ý VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

4.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy tác động của BĐKH, hiểu biết về BĐKH, hành vi của các bên liên quan, thích ứng và giảm nhẹ có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

Thứ nhất, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của các bên liên quan đến BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0,28$) với ý định tham gia vào các hành vi có thể giúp họ nâng cao nhận thức về tác động của BĐKH, hiểu rõ các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt ngày càng gia tăng (bão, lũ lụt, hạn hán, cuồng phong, nước biển dâng v.v.) gây ảnh hưởng đến sự an toàn, sức khỏe con người, gia tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm và ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch biển như là: nước biển dâng nhấn chìm các điểm tham quan du lịch, làm tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên và các khu du lịch sinh thái, gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến mỹ quan tại điểm du lịch, hạn hán vào mùa khô làm thiếu nước cung cấp cho ngành du lịch, ảnh hưởng mạnh đến cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng du lịch, làm tăng giá sản phẩm, chi phí bảo trì, dịch vụ du lịch và chi phí năng lượng, hạn chế hoạt động ngoài trời, giảm lượng khách đến thăm quan

Phát triển du lịch biển bền vững trong bối cảnh BĐKH là một hướng đi đòi hỏi các bên liên quan phải học hỏi và thay đổi toàn diện và triệt để trong toàn bộ quá trình phát triển. Việc hiểu và chấp nhận BĐKH không phải là hành động ngay lập tức mà là quá trình suy nghĩ khi cá nhân trải qua từ việc nhận thức đến việc hành vi thực sự. Quá trình này thúc đẩy phụ thuộc vào thái độ, nhận thức, hiểu biết của các bên liên quan về nhiều yếu tố bao gồm cả yếu tố kinh tế và phi kinh tế, các yếu tố về khoa học kỹ thuật, môi trường cũng như trách nhiệm xã hội. Khi các bên liên quan có thái độ, nhận thức về BĐKH thì các lợi ích bền vững kinh tế, xã hội, môi trường mà hoạt động du lịch biển mang lại sẽ thúc đẩy hành vi của họ chấp nhận chuyển từ du lịch biển thông thường sang du lịch biển bền vững. Khi các cá nhân nhận thức được tầm quan trọng của phát triển du lịch biển bền vững, nhận thức được tiềm năng thị trường du lịch có xu hướng tăng lên do các cá nhân là khách du lịch ngày càng có hành vi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường vì đảm bảo sức khỏe và sự an toàn của họ, từ đó thu nhập mang lại cho người dân địa phương, các nhà cung cấp dịch vụ và chính quyền địa phương sẽ tăng lên, hiệu quả kinh tế tăng là những yếu tố quan trọng thúc đẩy các bên liên quan hành động vì môi trường và BĐKH.

Thứ hai, Hiểu biết về biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của các bên liên quan đến BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.286$) với ý định đồng ý rằng trái đất đã nóng lên, các bên liên quan hiểu biết được BĐKH thông qua rất nhiều kênh thông tin khác nhau như: internet, truyền hình, đài phát thanh, báo chí, cơ quan trung ương, cơ quan chính quyền địa phương, người thân hoặc bạn bè hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và các chiến dịch bảo vệ môi trường, các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp, các lớp tập huấn nâng cao nhận thức... Sự hiểu biết về BĐKH sẽ giúp các bên liên quan có ý định thực hành hành vi lan tỏa sang những cá nhân khác trong cộng đồng địa phương, trong doanh nghiệp, trong cơ quan quản lý và trong khu vực và dần dần mở rộng, lan tỏa ra các vùng khác về những tác động của biến đổi khí hậu sẽ mang lại cho chúng ta điều gì đó, có cả tác động tích cực và tác động tiêu cực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước về du lịch cần mở các lớp đào tạo cho các bên liên quan nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu trong kinh doanh du lịch biển bền vững để các bên liên quan có hiểu biết và hành vi ứng phó phù hợp trong bối cảnh BĐKH đang diễn ra rất phức tạp và khó lường

Thứ ba, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.38$) với ý định chấp nhận phát triển du lịch biển bền vững cần tối ưu hóa sản phẩm, dịch vụ du lịch biển thân thiện với môi trường, sử dụng các nguyên liệu, vật liệu tái chế có thể dùng nhiều lần, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, xử dụng năng lượng các-bon thấp trong du lịch (ví dụ: xử dụng năng lượng mặt trời), kiểm soát tốt phát thải khí nhà kính (hoạt động vận chuyển thân thiện môi trường, hạn chế đốt nhiên liệu hóa thạch...), kiểm soát bằng các biện pháp công trình (đập, mương, đê), kiểm soát rác thải, chất thải, nước thải du lịch ra môi trường và tích cực tham gia trồng cây xanh, rừng phòng hộ ven biển. Sau khi nhận biết được ảnh hưởng tích cực BĐKH đến giảm thiểu, các bên liên quan sẽ có sự tự tin để thực hiện hành

vi xử dụng, kiểm soát tốt các vấn đề có thể gây tác động đến BĐKH, từ đó thúc đẩy ý định phát triển các giải pháp phát triển du lịch biển theo hướng bền vững.

Thứ tư, Tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.478$) với ý định chấp nhận nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Ý định chấp nhận nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các nhân các bên liên quan được thúc đẩy khi họ cảm thấy bắt buộc về mặt tự nhiên, tức là tác động của BĐKH chỉ có thể thích ứng cần phù hợp với tự nhiên, nguồn lực của từng cá nhân, tập thể, thể chế chính trị, văn hóa và từng bối cảnh thời kỳ khác nhau. Để có các biện pháp thích ứng hiệu quả, cần xây dựng khẩn cấp kế hoạch thực hành du lịch biển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng, thực hiện các chính sách pháp luật liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các khu vực du lịch biển để bị tổn thương, chia sẻ những tổn thất thông qua cứu trợ cộng đồng, phục hồi và tái thiết bằng các quỹ công cộng từ hoạt động du lịch, chia sẻ tổn thất cũng có thể được thực hiện thông qua bảo hiểm và phổ biến kiến thức thông qua các chiến dịch thông tin công cộng và giáo dục và khuyến khích thay đổi hành vi.

Thứ năm, hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến giảm nhẹ với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.264$) với ý định chấp nhận giảm nhẹ tác động BĐKH. Các hành vi hàng ngày của các nhân là chìa khóa để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Mỗi cá nhân thực hiện và mọi quyết định cá nhân đưa ra với tư cách cá nhân cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến những nỗ lực toàn cầu liên quan đến biến đổi khí hậu. Cá nhân của các bên liên quan cần hành động có trách nhiệm đối với môi trường địa phương nếu các nhân mong muốn hạn chế tác động của biến đổi khí hậu và các hành vi cá nhân của chúng ta xác định loại tương lai mà chúng ta muốn. Mỗi người trong chúng ta là một giải pháp cho những thay đổi môi trường này. Vì vậy, chúng ta phải nhạy cảm hơn khi giảm nhẹ với những thay đổi mà chúng ta tạo ra trên trái đất. Không có quyền hạn đặc biệt nào để ai đó trở thành một nhà hoạt động; mỗi người trong chúng ta đều là một nhà hoạt động và tất cả những gì chúng ta cần làm là nêu gương. Tất cả bắt đầu với một hành vi đơn giản nhưng quyết đoán. Tôi muốn tham gia các nỗ lực thực tế để giảm thiểu biến đổi khí hậu, nếu ai đó kêu gọi, tôi sẵn sàng hy sinh một số lợi ích cá nhân để giải quyết các vấn đề hiện có. Tôi sẽ xem xét cân nhắc bất kỳ yếu tố thân thiện với môi trường trước hành vi mua sản phẩm, dịch vụ du lịch. Tôi thường ít quan tâm đến bất kỳ thông tin nào về yếu tố môi trường trước khi mua sản phẩm, dịch vụ du lịch, mặc dù biết rằng có những hậu quả bất lợi. Tôi đã tham gia vào một số hoạt động bảo vệ môi trường liên quan đến biến đổi khí hậu Tôi đã lựa chọn và bắt đầu kế hoạch của riêng mình để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Tôi đã phát triển các thực hành môi trường tích cực mới. Tôi hiếm khi sử dụng túi nhựa và đến năm sau, tôi dự định sẽ ngừng sử dụng chúng. Từng bước một, tôi đang cố gắng thay đổi hành vi của chính mình để có thể truyền cảm hứng cho những người xung quanh tiếp bước tôi. Tôi cũng bắt đầu kế hoạch mới này để kiểm soát việc sử dụng và uống nước của mình. Đất nước của tôi được dự báo sẽ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng nước nghiêm trọng do nguồn nước hạn chế. Vì vậy, tôi hạn chế sử dụng nước. Khi rửa bát đĩa hoặc dọn dẹp, tôi cố gắng hết sức để kiểm soát việc sử dụng nước, vì vậy tôi chỉ sử dụng những gì tôi cần. Tôi cũng hạn chế thời gian tắm và tiết kiệm nước mưa để làm vườn. Khi nói đến việc sử dụng nước, hầu hết chúng ta có xu hướng lạm dụng nó mà không nghĩ đến tương lai; khắc phục vấn đề này có vẻ khó nhưng nó phụ thuộc vào việc chỉ sử dụng những gì chúng ta cần, không hơn không kém...

Hành vi của mỗi cá nhân quan trọng, tiếng nói của mỗi cá nhân quan trọng và ý tưởng của mỗi cá nhân quan trọng vì mỗi cá nhân là giải pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Thứ sáu, hành vi của các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến thích ứng với BĐKH có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.228$) với ý định chấp nhận thích ứng với BĐKH. Khác với hành vi giảm nhẹ BĐKH, hành vi thích ứng mang tính vĩ mô hơn, cá nhân khó khăn hơn trong việc thể hiện hành vi cá nhân, vì cần đến nguồn lực lớn hơn, do đó hành vi thích ứng hiệu quả cần có sự đồng lòng, phối hợp liên ngành để có thể áp dụng các công nghệ carbon thấp và chống chịu khí hậu (ví dụ: lắp đặt vật liệu cách nhiệt); hỗ trợ cho các cơ sở hạ tầng carbon thấp quy mô lớn (ví dụ: năng lượng gió); hành động chính trị để hỗ trợ hoặc yêu cầu các biện pháp biến đổi khí hậu (ví dụ: bỏ phiếu và phản đối); tham gia xây dựng chính sách (ví dụ: thông qua bồi thẩm đoàn công dân) và các hoạt động cấp cơ sở (ví dụ: các sáng kiến về năng lượng hoặc giao thông cộng đồng); và tham gia vào các cuộc trò chuyện về biến đổi khí hậu và tương tác với những người khác nhằm nâng cao nhận thức, kích hoạt và chuẩn hóa lối sống ít carbon.

Thứ bảy, giảm nhẹ đối với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.344$) với ý định chấp nhận bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Phát triển du lịch biển bền vững là xu thế phát triển tất yếu, khách quan của du lịch đang được các nước trên thế giới quan tâm nhằm không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn cho cả tương lai. Phát triển du

lịch biển còn theo hướng bền vững, có nghĩa là về mặt sinh thái phải được đảm bảo lâu dài, đồng thời có hiệu quả về mặt kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội. Muốn phát triển du lịch biển một cách bền vững, thì hệ thống các chính sách, môi trường pháp lý phải luôn được đảm bảo thông thoáng, minh bạch và ổn định, một trật tự xã hội được tôn trọng. Việc phát triển du lịch biển bền vững trong bối cảnh BĐKH lại càng khó khăn hơn. Không chỉ phát triển hài hòa 3 yếu tố kinh tế-văn hóa xã hội-môi trường mà còn phải đặt trong bối cảnh BĐKH. Trong bối cảnh tác động của BĐKH, du lịch biển phát triển bền vững cần quyết tâm hướng tới giảm nhẹ tác động của BĐKH với việc cắt giảm lượng khí CO₂, du lịch biển cần phải có nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực đồng bộ dựa trên đặc điểm hoạt động du lịch bao gồm: Khuyến khích phát triển các loại hình/sản phẩm du lịch biển thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm. Cần nghiên cứu, áp dụng nguyên tắc du lịch có trách nhiệm và biến đổi khí hậu. Giảm và tiến tới thay thế các thiết bị làm lạnh có sử dụng khí CFC; hạn chế khí thải CO₂ từ các phương tiện vận chuyển du lịch. Tăng cường năng lực quản lý “sức chứa” đối với các khu điểm du lịch tự nhiên, theo đó sẽ hạn chế được tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và môi trường tự nhiên, góp phần bảo tồn các giá trị sinh thái và đa dạng sinh học. Khuyến khích và tăng cường trồng cây ở các khu, điểm du lịch, theo đó sẽ không chỉ góp phần làm tăng sức hấp dẫn của cảnh quan, môi trường du lịch mà còn góp phần làm tăng diện tích lớp phủ thực vật và qua đó hạn chế sự phát tán khí CO₂ ra khí quyển. Khuyến khích áp dụng mô hình Giảm thiểu chất thải - Tái sử dụng - Tái chế chất thải (3R: Reduce - Reuse - Recycle) trong hoạt động phát triển du lịch, theo đó du lịch sẽ đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường, giảm mức độ sử dụng các dạng tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích tiết kiệm năng lượng, nước và sử dụng năng lượng thay thế, theo đó du lịch sẽ góp phần tích cực trong nỗ lực tiết kiệm tài nguyên và hạn chế lượng thải ra môi trường. Các bên liên quan du lịch biển được tiếp cận bình đẳng với các hoạt động du lịch biển tương tự cũng như các dịch vụ khác do hoạt động du lịch biển mang lại cho địa phương (ví dụ: nước, điện, cơ sở y tế).

Thứ tám, thích ứng với BĐKH có ảnh hưởng tích cực đến phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ tỷ lệ thuận ($\beta = 0.538$) với ý định chấp nhận bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường thông qua các hoạt động đồng xây dựng các chính sách cụ thể có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, hoạt động và các sản phẩm du lịch biển phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính sách phải rõ ràng đối với việc bảo vệ tài nguyên và các khu điểm du lịch khỏi tác động của BĐKH. Thiết lập kế hoạch phát triển du lịch biển bền vững cần dựa trên nhiều cách tiếp cận bao gồm cách tiếp cận kinh tế, vật chất, môi trường và cộng đồng. Điều quan trọng nữa là cần phát triển sự hiểu biết tốt hơn về năng lực thích ứng của các điểm đến, môi trường và doanh nghiệp và nếu có thể, sự thích ứng được lập biểu đồ theo thời gian để chuyển giao tốt hơn các đổi mới từ địa điểm hoặc công ty này sang địa điểm khác cũng như đạt được mức độ tính toán chính xác của các năng lực đó. Ví dụ, nghiên cứu về các nhà cung cấp dịch vụ du lịch ở Thanh Hóa chỉ ra rằng mặc dù các nhà cung cấp dịch vụ du lịch có thể đang tìm cách thích ứng và giảm thiểu đối với biến đổi khí hậu nhưng các nhu cầu kinh doanh tức thì và cấp bách hơn có nghĩa là biến đổi khí hậu không thể là trọng tâm chính của hoạt động kinh doanh. Từ đó có khả năng cản trở sự đổi mới của doanh nghiệp và điểm đến liên quan đến biến đổi khí hậu. Thích ứng bền vững trong bối cảnh này đề cập đến những phương pháp làm giảm tính dễ bị tổn thương của điểm đến và tăng khả năng phục hồi mà không gây nguy hiểm cho khả năng tồn tại về kinh tế, công bằng xã hội và tính toàn vẹn của môi trường. Ngành khách sạn và du lịch cần ứng phó với biến đổi khí hậu. Khi làm được điều này, ngành có tiềm năng giảm nghèo do các lợi ích kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường thu được từ các hoạt động của ngành.

Biến đổi khí hậu phải là một phần của lực đẩy tiếp thị của khách sạn và các doanh nghiệp du lịch. Ngày càng có nhiều du khách tìm kiếm những điểm đến thân thiện với môi trường. Ngành khách sạn và du lịch đang cố gắng ở các nước đang phát triển phải vươn tới tham vọng cao của Chương trình nghị sự doanh nghiệp năm 2030 vì sự phát triển bền vững và Thỏa thuận biến đổi khí hậu Paris để tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên mà nó phụ thuộc rất nhiều, cũng như duy trì tính cạnh tranh trong thị trường toàn cầu. Một hạn chế lớn của nghiên cứu này là nó đã không phân tích thực nghiệm mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và du lịch, du lịch và nghèo đói, biến đổi khí hậu và nghèo đói cũng như mối quan hệ của chúng với phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa, và các chỉ số môi trường. Các nghiên cứu trong tương lai có thể kiểm tra các biến số này để nâng cao thông tin trong các lĩnh vực này nhằm tạo ra tri thức và áp dụng các chiến lược để chống lại cả biến đổi khí hậu và nghèo đói và duy trì phát triển du lịch ở các nước đang phát triển.

4.2. Hàm ý nghiên cứu

Du lịch biển đóng một vai trò kinh tế xã hội quan trọng và tạo động lực cho việc bảo tồn ở nhiều vùng ven biển. Tuy nhiên, sự tác động của BĐKH đang tăng nhanh và sự thay đổi về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường liên quan có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với du lịch biển ở cấp địa phương. Do đó, hiểu được khả năng của các bên liên quan trong ngành du lịch biển để các bên liên quan

chủ động và phối hợp với nhau xây dựng bản kế hoạch phát triển du lịch biển thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH một cách bền vững. Các nhà cung cấp dịch vụ du lịch khu vực tư nhân là những nhân tố chính trong việc phát triển du lịch biển và có nhiều khả năng thích ứng chủ động hơn với sự thay đổi của BĐKH so với các bên còn lại. Mặc dù có sự khác biệt giữa 4 nhóm đối tượng liên quan chính, các yếu tố lối sống, nguồn nhân lực, điều kiện kinh tế, trình độ nhận thức và sự hỗ trợ từ các nguồn lực khác như: chính phủ, phi chính phủ có liên quan đến khả năng ứng phó.

Những phát hiện này gợi ý rằng các bên liên quan nên xem xét các lợi ích của nhau và cần có hành động cụ thể hóa bằng việc lập kế hoạch phát triển du lịch biển Thanh Hóa theo vững trong bối cảnh BĐKH có sự tham gia đầy đủ từ các bên.

Bên cạnh đó, phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa cần sự đóng góp và hành động đồng bộ của nhiều bên liên quan, bao gồm các chính quyền địa phương, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch, cộng đồng địa phương và khách du lịch. Việc các bên liên quan có hành vi đóng góp tích cực có thể giúp du lịch biển Thanh Hóa phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH, trong khi các hành vi tiêu cực có thể gây ra hậu quả đáng tiếc. Dưới đây là một số hàm ý khuyến nghị cho các bên liên quan:

4.2.1. Cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế:

- Thực hiện các hành động cụ thể, đồng thời để giảm thiểu, thích ứng, công nghệ và tài chính, nhất quán với các mục tiêu phát triển du lịch biển theo hướng bền vững.
- Cung cấp hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và đào tạo cho các điểm đến và nhà điều hành du lịch để đảm bảo rằng họ có thể tham gia vào khuôn khổ ứng phó với BĐKH.
- Thúc đẩy, ở tất cả các cấp, quan hệ đối tác liên ngành, mạng lưới và hệ thống trao đổi thông tin cần thiết cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch.
- Hợp tác trong các chiến lược, chính sách và kế hoạch hành động quốc tế nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải, lưu trú và các hoạt động du lịch liên quan.
- Giới thiệu các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho tất cả các bên liên quan về du lịch – khu vực công và tư nhân – cũng như khách du lịch.
- Phát triển các dịch vụ thông tin khí địa phương phù hợp với lĩnh vực du lịch biển và thúc đẩy việc sử dụng chúng giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch.
- Thực hiện các biện pháp chính sách, quy định, tài chính, quản lý, giáo dục, hành vi, đa dạng hóa, nghiên cứu và giám sát để thích ứng và giảm thiểu hiệu quả.

4.2.2. Các nhà cung cấp dịch vụ du lịch

Thực hiện các biện pháp cụ thể (chẳng hạn như các biện pháp khuyến khích) nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu trong toàn bộ chuỗi giá trị du lịch và giảm thiểu rủi ro cho khách du lịch, nhà điều hành và cơ sở hạ tầng do sự thay đổi và biến đổi khí hậu năng động. Thiết lập các mục tiêu và chỉ số để theo dõi tiến độ.

- Khuyến khích trong lĩnh vực dịch vụ du lịch nhằm giảm phát thải KNK như: Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch sử dụng công nghệ có hàm lượng cacbon ít, nhiên liệu sinh khối, khí học, không sử dụng điều hòa thải ra khí CFC; Tập trung phát triển các khu resort, các khách sạn cao cấp, thân thiện với môi trường; Đẩy mạnh việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện trong hoạt động dịch vụ, thương mại và chiếu sáng công cộng; Tổ chức tuyên truyền nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và xây dựng hệ thống quản lý nội vi tòa nhà; Giảm phát thải thông qua giảm lượng tiêu thụ năng lượng điện từ các khu lưu trú, nhà hàng, khu du lịch; Giảm phát thải thông qua sử dụng nước hiệu quả trong các khu lưu trú, nhà hàng, khu du lịch; Phát triển du lịch sinh thái; Nâng cao hiệu quả năng lượng như thay thế, đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động du lịch (hệ thống điều hòa, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch...);...
- Thúc đẩy và thực hiện đầu tư vào các chương trình du lịch tiết kiệm năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo nhằm mục đích giảm lượng khí thải carbon của toàn ngành du lịch.
- Lồng ghép du lịch trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược và kế hoạch thực hiện thích ứng và giảm thiểu ở cấp khu vực và địa phương.
- Cố gắng bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái tự nhiên và cảnh quan theo cách tăng cường khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu và đảm bảo sử dụng bền vững lâu dài cơ sở tài nguyên môi trường của ngành du lịch – đặc biệt là những tài nguyên đóng vai trò là 'lá phổi trái đất' (bể chứa carbon),

quản lý rừng và các chương trình sinh học khác, hoặc bảo vệ bờ biển (ví dụ: rừng ngập mặn và rạn san hô).

- Tìm cách đạt được môi trường ngày càng không có carbon bằng cách giảm thiểu ô nhiễm thông qua thiết kế, vận hành và cơ chế đáp ứng thị trường.
- Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm tập trung vào khí hậu, để định vị lại các điểm đến và hệ thống hỗ trợ, cũng như thúc đẩy cung và cầu trong tất cả các mùa.
- Nâng cao nhận thức của khách hàng và nhân viên về tác động của biến đổi khí hậu và thu hút họ tham gia vào quá trình ứng phó.

4.2.3. Khách du lịch

- Trong các lựa chọn về chuyến đi và điểm đến, khách du lịch nên được khuyến khích xem xét các tác động về khí hậu, kinh tế, xã hội và môi trường trong các lựa chọn của họ trước khi đưa ra quyết định và, nếu có thể để giảm lượng khí thải carbon của họ hoặc bù đắp lượng khí thải không thể giảm trực tiếp.
- Khi lựa chọn các hoạt động tại điểm đến, khách du lịch cũng nên được khuyến khích lựa chọn các hoạt động thân thiện với môi trường giúp giảm lượng khí thải carbon cũng như góp phần bảo tồn môi trường tự nhiên và di sản văn hóa.

4.2.4. Mạng lưới truyền thông và nghiên cứu

- Khuyến khích nghiên cứu đa ngành, có mục tiêu về tác động của biến đổi khí hậu nhằm giải quyết khoảng cách khu vực về kiến thức hiện tại, phát triển các công cụ để đánh giá rủi ro và phân tích lợi ích chi phí để đánh giá tính khả thi của các ứng phó khác nhau.
- Lồng ghép các môn học đặc thù về môi trường và khí hậu vào chương trình học trong đào tạo du lịch, mở rộng các chương trình sang các hệ thống giáo dục rộng lớn hơn (cấp 1, cấp 2, cấp 3...)
- Thúc đẩy du lịch có trách nhiệm hỗ trợ du lịch bền vững ‘tăng gấp bốn lần lợi nhuận’, kết hợp các cân nhắc hài hòa về khí hậu, môi trường, xã hội và kinh tế.
- Nâng cao nhận thức về vai trò kinh tế của du lịch như một công cụ để phát triển và trình bày thông tin về nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu dựa trên cơ sở khoa học hợp lý, theo cách công bằng, cân bằng và thân thiện với nhiều đối tượng khác nhau

4.2.5. Cộng đồng dân cư địa phương

Quá trình phát triển du lịch biển, quá trình xây dựng các thể chế, cơ chế, chính sách để triển khai các hoạt động ứng phó với BĐKH rất cần thiết có sự tham gia của cộng đồng dân cư. Khi xem xét về BĐKH, quá trình phát triển du lịch biển bao gồm quá trình đánh giá tổn thương và rủi ro, bao gồm cả đánh giá ở cấp cộng đồng, nơi mà cộng đồng dân cư rất hiểu biết các quy luật tự nhiên, các tác động của BĐKH đến cộng đồng dân cư trong cả một quá trình... Điều này hết sức quan trọng cho việc tìm ra những giải pháp phát triển phù hợp, hiệu quả và có những quyết định đúng đắn của chính quyền địa phương trong việc phối hợp phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu và thích ứng, chuẩn bị kế hoạch ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực du lịch biển nói riêng và của du lịch nói chung. Đồng thời cũng tạo điều kiện cho việc trao đổi kiến thức, học hỏi từ cộng đồng và các hành động thích ứng với BĐKH.

4.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu mở rộng trong tương lai

Một số đề xuất nghiên cứu cụ thể trong tương lai:

- (1) Đánh giá chất lượng của sản phẩm, tính dễ bị tổn thương và rủi ro tại các điểm du lịch cụ thể để tích hợp các thay đổi cơ bản trong phát triển sản phẩm.
- (2) Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nguy cơ tổn thương du lịch biển và đề xuất định hướng ứng phó.
- (3) Nghiên cứu chi tiết hơn về tác động của BĐKH đến du lịch biển ở từng khu vực cụ thể trong tỉnh Thanh Hóa.
- (4) Nghiên cứu về tác động của BĐKH đến các hoạt động du lịch khác ngoài các hoạt động trên biển như du lịch văn hóa, ẩm thực và sinh thái.
- (5) Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của BĐKH đến nhu cầu và hành vi của khách du lịch khi đến thăm Thanh Hóa.
- (6) Nghiên cứu về các chiến lược quản lý và phát triển du lịch bền vững để giảm thiểu tác động của BĐKH đến du lịch biển Thanh Hóa.

- (7) Nghiên cứu về tác động của BĐKH đến hành vi của các bên liên quan trong ngành du lịch biển, bao gồm khách du lịch, các doanh nghiệp du lịch, chính quyền địa phương, và cộng đồng địa phương.
- (8) Nghiên cứu về các biện pháp ứng phó của các bên liên quan trong phát triển du lịch biển, bao gồm cả các biện pháp phòng chống và chuyển đổi để thích nghi với BĐKH.
- (9) Nghiên cứu về nhận thức, thái độ và hành vi của khách du lịch về BĐKH
- (10) Nghiên cứu về hành vi du khách trong việc sử dụng các dịch vụ du lịch biển, bao gồm cách tiêu dùng nước, điện, vật liệu và các sản phẩm khác trong bối cảnh BĐKH
- (11) Nghiên cứu về hành vi của nhà quản lý du lịch, bao gồm các biện pháp quản lý môi trường, kế hoạch phát triển du lịch bền vững, quản lý nguồn lực và bảo vệ các sinh vật biển và đất đai trong bối cảnh BĐKH
- (12) Nghiên cứu về hành vi của cộng đồng địa phương, bao gồm sự tham gia của họ trong quản lý và phát triển du lịch biển, sự đóng góp vào kinh tế địa phương và bảo vệ tài nguyên và môi trường trong bối cảnh BĐKH
- (13) Nghiên cứu về hành vi của các doanh nghiệp du lịch, bao gồm cách quản lý tài nguyên và môi trường, các chính sách bảo vệ môi trường và cách thức tiếp cận với khách hàng trong bối cảnh BĐKH

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy Thanh Hóa có tài nguyên du lịch biển phong phú và nhiều tiềm năng phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Sự hấp dẫn của những bãi biển đẹp chưa được khám phá mang đến nhiều cơ hội thú vị cho khách du lịch. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, du lịch biển Thanh Hóa sẽ là một trong những lĩnh vực dễ bị tổn thương. Tác động của BĐKH ở các khu du lịch biển như: Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa, Hải Thanh, Tiên Trang, Nghi Sơn... là nước biển dâng, nhiệt độ tăng, xâm nhập mặn; lượng mưa bất thường; bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt; hạn hán và rét đậm, rét hại.

Bằng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, gồm cả phương pháp định tính và định lượng, kết hợp dựa trên nhiều nền cơ sở lý thuyết phát triển du lịch bền vững... luận án đã thực hiện được mục tiêu là làm rõ thực trạng phát triển du lịch biển bền vững, biểu hiện của BĐKH, tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển và hành vi cá nhân của các bên liên quan trong việc ứng phó với BĐKH tại Thanh Hóa. Với mục tiêu đã nêu, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trước đây, luận án đã nghiên cứu, giải quyết những vấn đề sau:

Tổng quan các tài liệu nghiên cứu trước đây có liên quan đến du lịch và biến đổi khí hậu trên thế giới, Việt Nam

Luận án đã hệ thống hóa kiến thức về du lịch biển, biến đổi khí hậu, mối quan hệ giữa các khái niệm biến đổi khí hậu và du lịch biển, những tác động của BĐKH đến hoạt động du lịch biển, các mô hình thích ứng du lịch vùng (RTAF) và các Thuyết nền nghiên cứu về du lịch biển trong BĐKH: Thuyết hành hành động hợp lý (TRA), Thuyết các bên liên quan và Thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (TPL) để dự đoán các hành vi cá nhân của các bên liên quan trong việc tham gia phát triển du lịch biển bền vững trong bối cảnh đổi khí hậu.

Luận án nhấn mạnh thêm vấn đề quan hệ giữa lợi ích và ý định hành vi ứng phó với BĐKH trong phát triển du lịch biển bền vững Thanh Hóa của các bên có liên quan. Những cá nhân liên quan nếu có lợi ích họ có sẵn sàng sẽ phát triển du lịch biển bền vững như thế nào trong bối cảnh BĐKH.

Luận án đã khái quát được các điều kiện phát triển du lịch, thực trạng hiện nay về tài nguyên du lịch, phát triển du lịch bền vững toàn tỉnh Thanh Hóa nói chung và của du lịch biển nói riêng. Từ đó tiến hành phân tích SWOT điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh BĐKH. Phân tích được các diễn biến của các yếu tố biến đổi khí hậu, các tác động của BĐKH đến tài nguyên du lịch, hạ tầng du lịch, môi trường du lịch, các hoạt động du lịch biển Thanh Hóa và đánh giá hiệu quả các giải pháp ứng phó của tỉnh với BĐKH.

Luận án đã tìm cách phác thảo một số vấn đề chính đã xuất hiện trong các nghiên cứu và tranh luận gần đây về du lịch và biến đổi khí hậu. Mặc dù, nó đã ghi nhận một số phát hiện liên quan đến tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với du lịch, nó đã chỉ ra rằng việc thiếu kiến thức trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả các quy trình và hệ thống du lịch cơ bản, đang hạn chế nghiêm trọng khả năng hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu. Đặc biệt, nó cũng cố nhu cầu nâng cao hiểu biết "*về tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hành vi của con người như thế nào đối với các mô hình giải trí và lựa chọn điểm đến cho kỳ nghỉ*"

Luận án này đã xác định một số khoảng trống tri thức đáng kể liên quan đến việc hiểu các mối quan hệ giữa du lịch và biến đổi khí hậu. Những lỗ hổng này không chỉ quan trọng đối với tính bền vững của ngành du lịch mà còn đối với các cộng đồng điểm đến và môi trường tự nhiên. Luận án cũng lưu ý rằng các chính sách và biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nếu được thực hiện kịp thời và hiệu quả, có thể tạo ra các đồng lợi ích có giá trị như tăng cường an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

Luận án này cũng xác định, môi trường biển và ven biển là một trong những khu vực quan trọng nhất đối với du lịch biển và giải trí. Sự gia tăng kiến thức và sự quan tâm đến các bờ biển và đại dương, cũng như khả năng tiếp cận công nghệ mới và rẻ hơn, đã tạo ra sự tăng trưởng đáng kể trong các hoạt động diễn ra trong môi trường này. Theo nhiều khía cạnh, sự tham gia, sự thích thú và sự an toàn của những người tham gia được định hình bởi điều kiện thời tiết. Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến các điều kiện thời tiết này, cũng như nhiều tài nguyên khác mà các hoạt động du lịch biển dựa vào đó, chẳng hạn như các bãi biển Sầm Sơn, Hải Tiến, Nghi Sơn.... Các tác động tự nhiên bao gồm mực nước biển dâng, xói mòn bãi biển, tần suất và cường độ gia tăng của các hiện tượng cực đoan, hạn hán, lũ lụt và những thay đổi trong cấu trúc hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Biến đổi khí hậu có thể tác động đến bất kỳ điểm du lịch biển nào. Tác động của biến đổi khí hậu có thể biểu hiện trên cả biển và các vùng đất liền gần bờ biển. Tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động du lịch biển có thể tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm hoạt động du lịch cụ thể và từng điểm đến. Bất chấp sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý du lịch biển về vấn đề này, nhiều tác động và hoạt động hầu như vẫn chưa được khám phá. Nghiên cứu này trình bày tổng quan những kiến thức hiện có về tác động của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động du lịch biển và ven biển. Một số lỗ hổng kiến thức đã được xác định, tạo cơ sở cho các nghiên cứu sau này của đề tài. Nghiên cứu thêm về các hoạt động cụ thể, truyền thông liên ngành, đối thoại với các bên liên quan và các chính sách đưa khí hậu vào quy hoạch và quản lý du lịch là những bước cần thiết để giảm thiểu tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu, đồng thời tận dụng những lợi ích mà nó có thể mang lại.

Luận án khẳng định, các bên liên quan đến hoạt động du lịch biển đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Chính phủ và các cơ quan quản lý có trách nhiệm xác định và thực hiện chính sách, quy định và quyền hạn pháp lý để quản lý hoạt động du lịch biển. Chính phủ có thể thiết lập các khu vực bảo tồn, quản lý hạ tầng chống ngập và bảo vệ bờ biển, thúc đẩy du lịch bền vững và cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH. Các doanh nghiệp du lịch có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm lượng khí thải carbon và tác động môi trường trong hoạt động kinh doanh của họ. Điều này có thể bao gồm sử dụng năng lượng tái tạo, tăng cường hiệu quả năng lượng, quản lý chất thải và nước thải, và xây dựng các hoạt động du lịch bền vững. Các cộng đồng địa phương và người dân sống trong các khu vực du lịch biển cần được tăng cường nhận thức về tác động của BĐKH và tham gia vào các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ tác động. Họ có thể thực hiện các biện pháp như sử dụng vận chuyển công cộng, tiết kiệm năng lượng và nước, tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên, và thúc đẩy du lịch bền vững trong cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ và tổ chức xã hội có thể chơi vai trò quan trọng trong việc tăng cường nhận thức, giáo dục và xây dựng năng lực cho các bên liên quan khác về thích ứng. Khách du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) trong hoạt động du lịch biển tiêu dùng có ý thức và ít tác động đến môi trường. Điều này bao gồm việc sử dụng các dịch vụ du lịch bền vững, chọn các phương tiện vận chuyển công cộng hoặc xanh hơn, giảm lượng rác thải và sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hỗ trợ các sản phẩm và hoạt động du lịch có tác động ít đến môi trường, tham gia vào các hoạt động bảo tồn môi trường, hỗ trợ các dự án phục hồi và bảo vệ môi trường, mua sản phẩm địa phương và thúc đẩy kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương, có thể tham gia vào các hoạt động giáo dục, tìm hiểu về các biện pháp bảo vệ môi trường và các dự án bảo tồn, và chia sẻ kiến thức này với người thân và bạn bè để tạo ra sự lan tỏa ý thức và hành động. Đồng thời, khách du lịch có thể cung cấp phản hồi và đánh giá về các hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan đến môi trường. Việc cung cấp phản hồi giúp cải thiện các hoạt động du lịch và môi trường tại điểm đến.

Kết quả phân tích dữ liệu điều tra cho thấy hành vi giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH của các bên liên quan góp phần tích cực cho việc phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa. Điều này cho thấy các bên liên quan có nhận thức khá tốt về bản chất và những tác động của BĐKH. Kết quả phân tích cũng cho thấy, các bên liên quan có hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH. Khi các bên liên quan có hiểu biết cao về tác động của BĐKH, họ sẽ nhận ra tầm quan trọng của việc thực hiện các biện pháp nhằm giảm tác động môi trường và thích ứng với những thay đổi để hướng tới việc phát triển du lịch biển bền vững. Trên cơ sở đó, Luận án đã luận giải

được những hàm ý chính sách nhằm góp phần phát triển du lịch biển bền vững ở Thanh Hóa nói riêng và ở Việt Nam nói chung.